Panasonic

INDEX

HALUMIE T.1

WIDE SERIES T.2-5

REFINA T.6

GEN-X T.7

FULL-COLOR T.8-9

Ổ CẮM ÂM SÀN T.9

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ T.10

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN T.11

MCCB / ELB / HB T.12

QUẠT HÚT T.13

QUẠT ĐIỀN T.14

MÁY SẤY TAY T.14

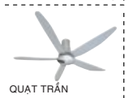
QUẠT TRẦN T.15

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ T.16

MÁY BƠM T.17

MÁY NƯỚC NÓNG T.18

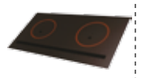
BẾP ĐIỆN TỪ T.19

ĐÈN BÀN LED T.20

ĐÈN TRẦN LED T.21-24

BÓNG LED T.22

ĐÈN TRANG TRÍ / ĐÈN TƯỜNG T.25

ĐÈN TREO BÀN ĂN T.25

LED DOWNLIGHT T.26-29

MÁNG ĐÈN BĂNG KEO ĐIỆN T.30

TỦ ĐIỆN T.31

PHỤ KIỆN T.31-32

ỐNG THẲNG & ỐNG MỀM T.33

PHỤ KIỆN T.33-34

PCE T.35-36

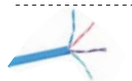
DÂY CÁP T.37

• Showroom & Phòng Dự Án

TP. Hồ Chí Minh 10 Trương Định, Phường Bến Thành, Quận 1 Ext: 0

TP. Hà Nội 83 Đường Láng, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa Ext: 1

• Phòng bảo hành & Phòng kinh doanh

TP. Hồ Chí Minh Số 1A đường 26, KDC Bình Phú, Phường 10, Quận 6
P.BH - Ext : 113 & P.KD - Ext: 108 - 109 - 110

T.Long An Lô D05, KCN Đức Hoà 1-Hạnh Phúc, ấp 5, Xã Đức Hoà Đông, Huyện Đức Hoà, Long An
P.KD - Ext : 101, 102, 103

TP. Cần Thơ 168A, Nguyễn Văn Cừ, Khu Vực 8, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều.
P.BH & P.KD - Ext: 191

TP. Biên Hòa 154 Khu phố Bình Dương, Quốc Lộ 51, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
P.BH - Ext: 185 & P.KD - Ext: 183 - 184

TP. Nha Trang Lô A CN 22-03 KCN Ninh Thủy, Phường Ninh Thủy, Thị Xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa
P.BH & P.KD - Ext: 199 - 200

TP. Hà Nội Lô CN 8 - Cụm Công Nghiệp Tập Trung Vừa Và Nhỏ Xã Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm
P.BH- Ext: 239 & P.KD- Ext: 237 - 238

TP. Bắc Ninh Số 23, Đường 3, KCN, Đô thị & Dịch vụ Vsip Bắc Ninh, Thị Xã Từ Sơn
P.BH- Ext: 258 & P.KD- Ext: 255 - 256 - 257

TP. Hải Phòng Lô CN 3.2D, KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An
P.BH- Ext: 221 & P.KD- Ext: 218 - 219 - 220

TP. Vinh Đường D2 - KCN Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Tp. Vinh - Nghệ An.
P.BH & P.KD - Ext: 230 - 231

TP. Đà Nẵng Km800 Quốc lộ 1A, Thôn Đông Hòa, Xã Hòa Châu, Huyện Hòa Vang, TP. Đà nẵng.
P.BH & P.KD - Ext: 208 - 209 - 210

19006711

Hotline: 0909 840 028 **Email: info@ nanoco.com.vn**
Website: www.nanoco.com.vn

nanoco

Halumie

Vẻ Đẹp Từ Mọi Góc Nhìn

BẢNG GIÁ

Price list

10/2017

www.nanoco.com.vn
www.facebook.com/nanoco.com.vn

Panasonic

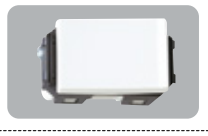

WEVH5531/ WEVH5531-7
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250 VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
19.000

WEVH5521/ WEVH5521-7
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250 VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
19.000

WEVH5511/ WEVH5511-7
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250 VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
19.000

WEVH5532/ WEVH5532-7
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ 250 VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
43.000

WEVH5522/ WEVH5522-7
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại trung 250 VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
43.000

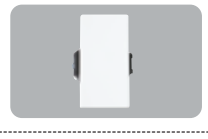

WEVH5512/ WEVH5512-7
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại lớn, 250 VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
43.000

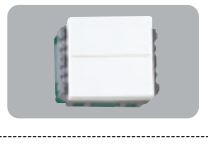

WEVH5542-7 Dùng với mặt **WEVH68030**
Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, 250 VAC - 10A
Twin Switch C - 2 ways
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
130.000

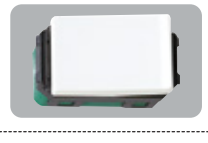

WEVH5003
Công tắc D (2 tiếp điểm), 250 VAC - 16A
Switch D (2 poles)
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
150.000

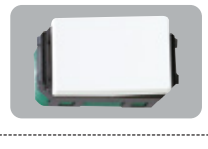

WEVH5004
Công tắc E, đảo chiều, 250 VAC - 16A
Switch E (4 ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
240.000

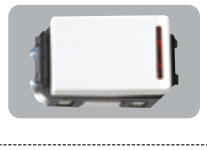

WEVH5033-7
Công tắc D có đèn báo (2 tiếp điểm), 250VAC - 20A
Glow Switch (2 poles)
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
236.000

WEVH68010
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
16.700

WEVH68020
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
16.700

WEVH68030
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
16.700

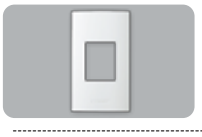

WEVH680290
Mặt dùng riêng cho WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB
1-gang center 2 devices plate or for
WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB only
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
16.700

WEVH68910
Mặt kín đơn
Single cover plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
16.700

WEVH8061
Mặt dùng cho HB
1 gang plate for HB breaker
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
16.700

WEVH68040
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
31.000

WEVH68060
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
31.000

WEVH5151 - 51/WEVH5151-7
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
109.000

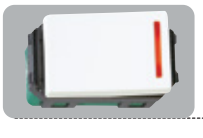

WEVH5152 - 51/WEVH5152-7
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC-16A
Illuminated switch C
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
128.000

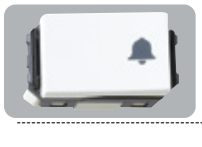

WEVH5401-011
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
65.000

*Giá các sản phẩm trong cuốn giá đã bao gồm VAT

WEV5001SW/ WEV5001-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A
Switch B(1 - way)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
17.000

WEV5002SW/ WEV5002-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C(2 - way),
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
38.000

WEG5003KSW
Công tắc D (2 tiếp điểm), 250VAC - 16A
Switch D (2 poles)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
135.000

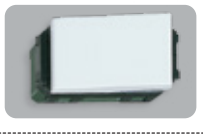

WEG5004KSW
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A
Switch E (4 ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
215.000

WEG5151-51SWK/ WEG51517SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250 VAC - 16A
Illuminated switch B
Đóng gói 10 cái/ hộp 100 cái/ thùng
99.000

WEG5152-51SWK/ WEG51527SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250 VAC - 16A
Illuminated switch C
Đóng gói 10 cái/ hộp 100 cái/ thùng
116.000

WEV5033-7SW/ WEV5033-7
Công tắc D có đèn báo (2 tiếp điểm), 250VAC - 20A
Glow switch D (2 poles)
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
210.000

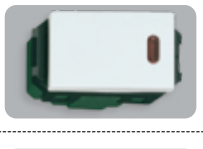

WEG5141SW
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 250 VAC - 6A
Illuminated switch B
Đóng gói 10 cái/ hộp 100 cái/ thùng
265.000

WEG5401-011SW/ WEG5401-011
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
60.000

USB Charger

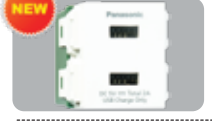

WEF11721W8
Ổ cắm USB /USB Charger
Input: AC220V / Output: 5V - 2A
Hàng không có sẵn - Thời gian đặt hàng: 4 tháng
790.000

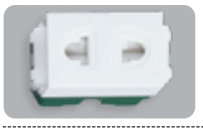

WEV1081SW/ WEV1081-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che 250VAC - 16A
Universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
34.000

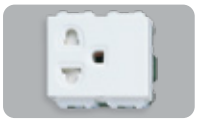

WEV1181SW/ WEV1181-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất 250VAC - 16A
Grounding universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
59.000

WEV1582SW/ WEV1582-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất 250VAC - 16A
Grounding duplex universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
86.000

WEV1091SW
Ổ cắm đơn không màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
25.000

WEV2501SW/ WEG2501SW
Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm
Television terminal
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
74.000

WEV2364SW/ WEG2364SW
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack 6P4C
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
74.000

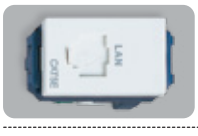

WEG2488SW/ WEV2488SW **162.000**
WEG24886SW/ WEV24886SW **195.000**
Ổ cắm data CAT5/ Ổ cắm data CAT6
Data modular CAT5/ Data modular CAT6
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

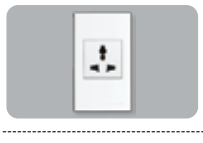

WEGP1041SW-1/ WEGP1041W-1
Bộ ổ cắm đa năng chuẩn A, 250V - 13A
1 - gang multiple socket (A type plate)
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
240.000

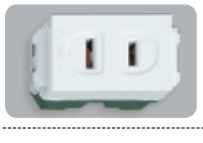

WEG1001SW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp), 250VAC - 16A
Flat pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
27.000

WEG1090SW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn), 250VAC - 16A
round pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
27.000

WEG3020SW
Nút trống
Blank chip
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
9.500

WEG3023SW
Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/16mm
Telephone wire chip dia 9mm/16mm
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
9.500

WEV68010SW
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
15.500

WEV68020SW
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
15.500

WEV68030SW
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
15.500

WEV68910SW
Mặt kín đơn
Single cover plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
15.500

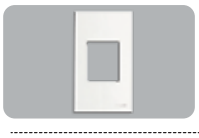

WEV680290SW
Mặt riêng cho WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB
1-gang center 2 devices plate
or for WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
15.500

WEV7061SW
Mặt dùng cho HB
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/thùng
15.500

WEG575151SW
Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 220VAC - 500W
Loại có chức năng bật tắt
Dimmer for Incandescent lamp, Off function type
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
290.000

WEG57912SW
Bộ điều chỉnh sáng tối dùng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn/ 200W)
- Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 lamps/ 200W) 220V - 50Hz
- Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
(Thời gian đặt hàng 4 tháng)
675.000

WEG6804SW
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
30.000

WEG6806SW
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
30.000

WEG7901
Mặt 1 thiết bị - có nắp che mưa
Weatherproof plate
1 gang - 1 device IP55
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
210.000

WEG7902
Mặt 2 thiết bị - có nắp che mưa
Weatherproof plate
1 gang - 2 devices IP55
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
210.000

WEG7903
Mặt 3 thiết bị - có nắp che mưa
Weatherproof plate
1 gang - 3 devices IP55
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
210.000

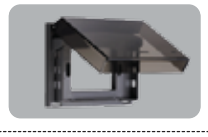

WEG8981
Mặt có nắp che mưa
Weatherproof plate - IP55
Đóng gói 5 cái/ hộp, 20 cái/ thùng
199.000

BS - TYPE

WBC8981SW
Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho công tắc,
có nắp che mưa IP43
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
170.000

WBC8991W
Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho ổ cắm,
có nắp che mưa IP43
Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng
186.000

WEB7811SW
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
16.700

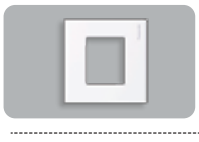

WEB7812SW
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
16.700

WEB7813SW
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
16.700

WBC7010
Thiết bị chuyển tiếp 20A chuẩn BS, màu trắng
Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng
130.000

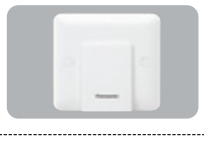

WBC7020
Thiết bị chuyển tiếp 45A chuẩn BS, màu trắng
Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng
180.000

WEB1111SWK
Bộ ổ cắm tiêu chuẩn BS, 250VAC - 13A
Receptacle - BS standard
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
105.000

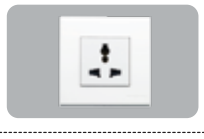

WEBP1041SW-P
Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250VAC - 13A
1 gang multiple socket (BS type plate)
Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
240.000

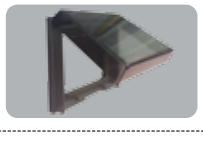

WBG8981 - P
Mặt có nắp che mưa chuẩn BS
Weatherproof plate (BS type plate), IP55
Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng
180.000

WEV5001H/ WEV5001-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A
Switch B (1 - way)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
31.000

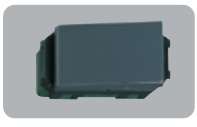

WEV5002H/ WEV5002-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C (2 - ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
54.000

WEG5003KH
Công tắc D (2 tiếp điểm), 250VAC - 16A
Switch D (2 poles)
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
190.000

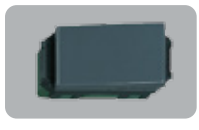

WEG5004KH
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A
Switch E (4 ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
290.000

WEG5151-51KH/ WEG51517H
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
125.000

WEG5152-51KH
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch C
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
155.000

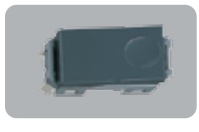

WEG5401-7H
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
92.000

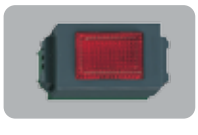

WEG3032RH
Đèn báo màu đỏ, 220VAC
Pilot lamp red
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
125.000

WEG575151H
Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn,
loại có chức năng bật tắt, 220VAC - 500W
Dimmer for incandescent lamp, Off function type
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
520.000

WEG57912H
Bộ điều chỉnh sáng tối dùng cho đèn LED
có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn/ 200W)
Dimmer Switch for LED dimmable bulb
(Max 8 lamps/ 200W) 220V - 50Hz
Đóng gói 10 cái/hộp , 20 cái/thùng
(Thời gian đặt hàng 4 tháng)
770.000

WEV1081H/ WEV1081-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màng che, 250VAC - 16A
Universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
42.000

WEV1181H/ WEV1181-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
80.000

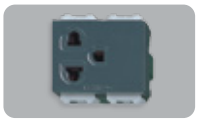

WEV1191H
Ổ cắm đơn có dây nối đất, 250VAC - 16A
Ground universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
75.000

WEV1582H/ WEV1582-7H
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding Universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
117.000

WEV1592H
Ổ cắm đôi có dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding duplex universal receptable
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
90.000

WEV2501H/ WEG2501H
Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm
Television terminal
Đóng gói 5 cái/ hộp. 50 cái/thùng
112.000

WEV2364H/WEG2364H
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack 6P4C
Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
109.000

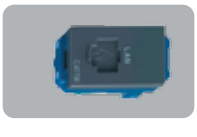

WEG2488H/ WEV2488H - CAT5 **195.000**
WEV24886H - CAT6 **234.000**
Ổ cắm data
Data modular
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng

WEG3020H
Nút trống
Blank chip
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
13.000

MẶT KIM LOẠI BẰNG NHÔM

WEG6501 - 1
Dùng cho 1 thiết bị
1 device metal plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
70.000

WEG6502 - 1
Dùng cho 2 thiết bị
2 devices metal plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
70.000

WEG6503 - 1
Dùng cho 3 thiết bị
3 devices metal plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
70.000

WEG65029 - 1
Dùng riêng cho WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB
1-gang center 2 devices metal plate or for
WEV1181SW/ WEV1191SW/2P MCB only
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
70.000

WEG68010MB
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device color plate
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
24.000

WEG68020MB
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices color plate
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
24.000

WEG68030MB
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices color plate
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
24.000

WEG680290MB
Mặt dùng riêng cho WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB
1-gang center 2 devices color plate or for
WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB only
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
24.000

WEG6804MB
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices color plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
43.000

WEG6806MB
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices color plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
43.000

WEG68010MW
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device color plate
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
24.000

WEG68020MW
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices color plate
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
24.000

WEG68030MW
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices color plate
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
24.000

WEG680290MW
Mặt dùng riêng cho WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB
1-gang center 2 devices color plate or for
WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB only
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
24.000

WEG6804MW
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices color plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
43.000

WEG6806MW
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices color plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
43.000

CHUÔNG ĐIỆN

EGG331
Nút chuông kín nước, 220VAC - 1A
Bell push button
Đóng gói 20 cái/thùng
Kết nối được 02 chuông EBG888
92.000

EBG888
Chuông điện, 220V - 9.5W, 50Hz, 82dB
Door chime
Đóng gói 10 cái/thùng
170.000

Ổ CẮM CÓ DÂY

WCHG28334
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3 công tắc phụ, 250VAC - 16A
Extension cord 3 sockets
Đóng gói 5 cái/thùng
960.000

WCHG28352
Ổ cắm có dây, 5 ổ cắm, 1 công tắc, 250VAC - 16A
Extension cord 5 sockets
Đóng gói 5 cái/thùng
780.000

WCHG2836
Ổ cắm có dây, 6 ổ cắm, 250VAC - 16A
Extension cord 6 sockets
Đóng gói 5 cái/thùng
710.000

THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẮN TRẦN/ BÁO CHÁY

Độ nhạy cao: Đầu dò với thiết bị cảm ứng Napion sản xuất theo công nghệ Panasonic.

Tuổi thọ cao: Thiết kế chức năng bật tắt 100.000 lần ở chế độ toàn tải.

Loại gắn nổi

WTKG2311
Tự động bật sáng khi có người và trời tối
220 - 240VAC 3A
Sản xuất tại Đài Loan
Chế độ hẹn giờ tắt
10 giây - 30 phút
2.350.000

Loại âm trần

WTKG2310 - P
Tự động bật sáng khi có người
220 - 240VAC 3A
Chế độ hẹn giờ 60 giây
Sản xuất tại Thái Lan
Chế độ hẹn giờ tắt 1 phút
1.080.000

Sản xuất tại Thái Lan

WTKG2411 - P
Sensor chính
3A 220 - 240V
Có thể nối tối đa với 4 sensor phụ
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Bóng dèn sợi đốt 660V - Bóng đèn huỳnh quang 330W
Điều chỉnh độ nhạy sáng:
5 lux - 1000 lux
1.450.000

WTKG2911 - P
Sensor phụ
Chỉ kết nối với WTKG2411 - P, không kết nối với đèn
870.000

Lắp trần và tường

SH28455911
Đầu báo cháy sử dụng pin (Loại phát hiện khói)
Âm lượng báo động 84dB hoặc hơn với khoảng cách 1m so với thiết bị
Tuổi thọ pin 10 năm, có chế độ báo pin yếu hoặc sự cố do lỗi kỹ thuật
Sản xuất tại Nhật Bản
899.000

Refina MÀU

WEG55317MB
Công tắc B, 1 chiều, màu đen ánh kim, 250 VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
40.000

WEG55317MW
Công tắc B, 1 chiều, màu trắng ánh kim, 250 VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
40.000

WEG55327MB
Công tắc C, 2 chiều, màu đen ánh kim, 250 VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
70.000

WEG55327MW
Công tắc C, 2 chiều, màu trắng ánh kim, 250 VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
70.000

Refina TRẮNG

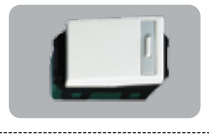

WEV5531SW/ WEV5531-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ, 250 VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
31.000

WEV5521SW/ WEV5521-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại trung, 250 VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
31.000

WEV5511SW/ WEV5511-7SW
(Cắm nhanh, Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại lớn, 250 VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
31.000

WEC5542-7SW
Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, 250 VAC - 10A
Switch C - 3 way
Dùng với mặt WEV68030SW
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
130.000

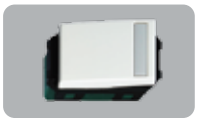

WEV5532SW/ WEV5532-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ, 250 VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
57.000

WEV5522SW/ WEV5522-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại trung, 250 VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
57.000

WEV5512SW/ WEV5512-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại lớn, 250 VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
57.000

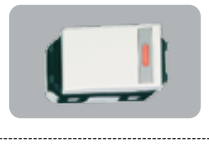

WEG55337SW/WEV5533-7SW
(Bắt vít)
Công tắc D có đèn báo (2 tiếp điểm), 250 VAC - 20A
Glow Switch D (2 poles)
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
250.000

CHUYÊN DÙNG CHO KHÁCH SẠN- HOTEL WIRING DEVICES

WEG3032R-021
Đèn báo "Đừng làm phiền", 220 VAC - 10A
"Do not disturb" pilot lamp
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
139.000

WEG3032G-031
Đèn báo "Xin dọn phòng", 220VAC - 10A
Please clean up pilot lamp
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
139.000

WEB1051W
Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu
Shaver socker build switch
In: 220VAC Out: 110VAC or 240VAC
Đóng gói 10 cái/ hộp, 20 cái/ thùng
1.460.000

WEB5781WK
Công tắc thẻ / Card Switch
220VAC - 16A
Hàng không có sẵn - Đặt hàng trước 4 tháng
1.650.000

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO

WTEGP51552S - 1 - G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
Illuminated switch "C", 3 - ways
1 - device with plate

760.000

WTEGP52562S - 1 - G
Bộ 2 công tắc có đèn báo
Illuminated switch "C", 3 - ways
2 - devices with plate

1.290.000

WTEGP53572S - 1 - G
Bộ 3 công tắc có đèn báo
Illuminated switch "C", 3 - ways
3 - devices with plate

1.920.000

WTEGP54562S - 1 - G
Bộ 4 công tắc có đèn báo
Illuminated switch "C", 3 - ways
4 - devices with plate

2.570.000

WTEGP55582S - 1 - G
Bộ 5 công tắc có đèn báo
Illuminated switch "C", 3 - ways
5 - devices with plate

3.200.000

WTEGP56572S - 1 - G
Bộ 6 công tắc có đèn báo
Illuminated switch "C", 3 - ways
6 - devices with plate

3.850.000

MẶT ĐẬY

WTEG6506S - G
Mặt ngang 6 thiết bị
2 - gangs, 6 - devices

920.000

WTEG6503S - 1 - G
Mặt ngang 3 thiết bị
1 - gang, 3 - devices

460.000

BS - TYPE

WTFBP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch "C",
3 ways, 1 device with plate

640.000

WTFBP52562S-1-G
Bộ 2 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch "C",
3 ways, 2 devices with plate

1.090.000

WTFBP53572S-1-G
Bộ 3 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch "C",
3 ways, 3 devices with plate

1.620.000

WTFB6503S-1-G
Mặt đứng 3 thiết bị
1 gang, 3 devices plate

390.000

WEV2501B / WEG2501B - G
Ổ cắm TV
DIN type television terminal

120.000

WEV2364B / WEG2364B - G
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack (6P4C)

118.000

WEV2488B / WEV2488B - G
Ổ cắm dạng CAT5
CAT5E data
Modular jack

240.000

WEG57816B - 1 - G
Bộ điều chỉnh sáng tối
500W, 220V
Dimmer switch 220VAC 500W

590.000

WEG57813B-1-G
Bộ điều chỉnh sáng tối
300W, 220V
Dimmer switch 220VAC 300W

530.000

WEG15829B - G
Ổ cắm đôi có màn che và dây
nối dây 16A 250V
Grounding duplex universal receptacle
With safety shuter 16A 250V

130.000

NEW

WEG57912B-1
Bộ điều chỉnh sáng tối dùng cho đèn LED
có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn/ 200W)
Dimmer Switch for LED dimmable bulb
(Max 8 lamps/ 200W) 220V - 50Hz
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
Thời gian đặt hàng 4 tháng

790.000

WEG3020B - G
Nút trống
Blank chip

16.000

WNV5001-7W
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A
Switch B(1 - way)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
11.000

WNG5021W-7
Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A
Twin Switch B, single pole
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
87.000

WNV5002-7W
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C(2 - ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
33.000

WNG5003W-7
Công tắc D (2 tiếp điểm), 250VAC - 10A
Switch D(2 poles)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
106.000

WNG5004W-7
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 10A
Switch E(4 - ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
170.000

WN5241W-801
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 300VAC - 4A
Appellation glow switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
354.000

WNG5051W-751
Công tắc B, 1 chiều, có đén báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated appellation switch C
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
99.000

WNG5052W-751
Công tắc C, 2 chiều, có đén báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated appellation switch C
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
119.000

WNG5343W - 761
Công tắc D có đèn báo
Dùng cho máy nước nóng (có chữ)
250VAC - 20A
Đóng gói 20 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
176.000

WBG5414699W
Công tắc D có đèn báo
Dùng cho máy lạnh (có chữ)
250VAC - 20A
Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
176.000

WBG5414699W - SP
Công tắc D có đèn báo
Dùng cho máy nước nóng, máy lạnh (không chữ)
250VAC - 20A
Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
176.000

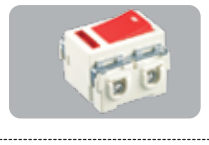

WBG5408699W
Công tắc D có đèn báo
Dùng cho bếp điện, máy nước nóng
250VAC - 45A
Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
359.000

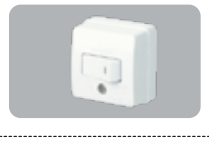

WSG3001
Công tắc B, 1 chiều, loại nổi
Surface mounting switch B, single pole
300VAC - 10A
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
39.000

WNV1081-7W
Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
28.000

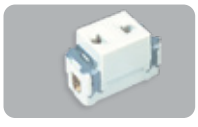

WNV1091-7W
Ổ cắm đơn, 250VAC - 10A
Universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
24.000

WNG159237W
Ổ cắm đôi có dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding duplex universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
72.000

WZV1201W/WZ1201W
Ổ cắm TV
Television terminal
75 Ohm,
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
59.000

WNTG15649W
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack 6P4C
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
74.000

NRV3160W
Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45 - CAT5
Data modular jack RJ45 - CAT5
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
160.000

WNG5401W-7K
Nút nhấn chuông, 300 VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói 200 cái/thùng
55.000

WKG1092250
Ổ cắm đôi loại nổi, 250VAC - 10A
Surface mounting duplex universal receptacle
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng
49.000

WN3020W
Nút trống
Blank chip
Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
9.500

WN3023W
Lỗ ra dây điện thoại
Telephone wire chip
Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
9.500

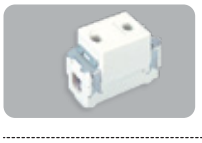

WN10907KW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn), 250VAC - 10A
Round pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
29.000

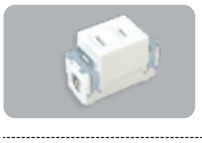

WN1001-7KW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp), 250VAC - 10A
Flat pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
29.000

WN11017W
Ổ cắm đơn có dây nối đất (phích cắm dẹp), 250VAC - 10A
Grounding flat pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
55.000

MẶT ĐẬY FULL COLOR

WZV7841W
Mặt góc vuông dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
15.100

WZV7842W
Mặt góc vuông dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
15.100

WZV7843W
Mặt góc vuông dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
15.100

WZV7061W
Mặt góc vuông dùng cho HB
1 gang plate for HB breaker
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
15.100

WZV7844W
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gang - 4 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
30.000

WZV7846W
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gang - 6 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
30.000

Ổ CẮM ÂM SÀN (Loại lắp 3 thiết bị)

- Chất liệu: Kim loại

DUF1200LTK-1
Bộ ổ âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm hộp âm (54 x 119 x 119)
Floor outlet, blank for triple device with outlet box

990.000

Ổ CẮM ÂM SÀN (Loại lắp 6 thiết bị)

- Chất liệu: Kim loại

DUMF3200LT-1
Bộ ổ cắm âm sàn loại 6 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm hộp âm (54 x120 x120)
Multi floor outlet, blank for six device with outlet box

1.650.000

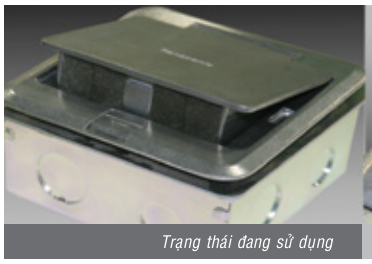

Trạng thái đang sử dụng

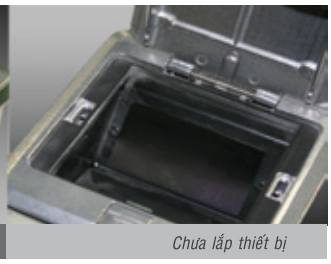

Chưa lắp thiết bị

Đóng

Mở

Ổ CẮM ÂM SÀN CÓ NẮP ĐẬY - CÓ HỘP ÂM

(Loại lắp 3 thiết bị)
Quy cách hộp âm: 119 x 119 x 54mm

DU81931HTK-1
Bộ ổ cắm âm sàn 2 ổ cắm có dây nối đất
Grounding duplex universal receptacle

794.000

DU8199HTK-1
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị), bao gồm đế âm
Floor outlet, blank for triple device with cover unit

725.000

(Loại lắp 2 thiết bị)
Quy cách hộp âm: 102 x 102 x 45mm
Chất liệu: nhựa tổng hợp

DU7199HTC-1
Ổ cắm âm sàn 2 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị),
bao gồm đế âm
Floor outlet, blank for double device with cover unit

599.000

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ

TB621018A7
Loại điện tử gắn thanh ray / hàng tuần, cài đặt được ngày lễ
220 - 240VAC, 50-60Hz, **16A**
50 chế độ cài giờ (25 bật - 25 tắt) - Thời gian cài tối thiểu 1 phút
Có pin dự trữ **6 năm**
50 operations, minimum setting time is **1 min**
6 years reserve battery
Hàng không có sẵn - Thời gian đặt hàng: 4 tháng
2.090.000

TB2118E7
Loại điện tử / hàng ngày (24 giờ)
190 - 240VAC, 50-60Hz, **30A**
4 chế độ cài giờ (2 bật - 2 tắt) - Thời gian cài tối thiểu 1 phút
Có pin dự trữ **5 năm**
4 operations, minimum setting time is **1 min**
5 years reserve battery
1.280.000

TB178
SPST Type
220 - 240VAC, 50Hz, 15A
6 chế độ cài giờ - thời gian cài tối thiểu 30 phút
Không có pin dự trữ
6 operations, minimum setting time is **30 min**
W/o battery
570.000

TB35809NE5
SPST Type
220 - 240VAC, 50Hz, 20A
96 chế độ cài giờ - Thời gian cài tối thiểu 15 phút
Không có pin dự trữ
96 operations, minimum setting time is **15 min**
W/o battery
690.000

TB5560187N
Loại DIN module - gắn thanh DIN
220 - 240VAC, 50/60Hz, 16A
96 chế độ cài giờ - Thời gian cài tối thiểu 15 phút
Có pin dự trữ **300 giờ**
96 operations, minimum setting time is **15 min**
300 hours reserved battery
970.000

TB2128E7
Loại điện tử / hàng tuần
190 - 240VAC, 50 - 60Hz, **30A**
16 chế độ cài giờ (8 bật - 8 tắt)
Thời gian cài tối thiểu **1 phút**
Có pin dữ trữ **5 năm**
16 operations, minimum setting time is **1 min**
5 years reserve battery
1.280.000

TB118
SPST Type, 220 - 240VAC, 15A, 6 chế độ cài giờ.
Thời gian cài tối thiểu 30 phút. Có pin dự trữ 300 giờ
6 operations, minimum setting time is **30 min**.
C/w battery 300 hours.
920.000

TB11802459 / TB380N2457
Pin dùng cho TB118
190.000

TB38809NE7
SPST Type
220 - 240VAC, 15A
96 chế độ cài giờ
Thời gian cài tối thiểu 15 phút
Có pin dự trữ 300 giờ
96 operations, minimum setting time is **15 min**
C/w battery 300 hours
1.030.000

EE8123-821
Công tắc quang điện
Photoelectric EE switch
230V - 3A
Cảm biến bằng ánh sáng
Tự động bật khi trời tối
Tắt khi trời sáng
377.000

PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP

WK2315K 125V - 15A - 2P+ Ground — **178.000**
WK2320K 250V - 20A - 3P — **210.000**
WK2330 250V - 30A - 2P + Ground — **620.000**
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black

WK2420K 250V - 20A - 3P + Ground — **325.000**
WK2430 250V - 30A - 3P + Ground — **690.000**
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black

WK1330
Ổ cắm chuyên dùng
Surface mounting receptable
250V - 30A - 3P
447.000

WF2315WK 125V - 15A - 2P+ Ground — **152.000**
WF2320WK 250V - 20A - 3P — **192.000**
WF2330B 250V - 30A - 2P + Ground — **475.000**

WF2420BK 250V - 20A - 3P + Ground — **304.000**
WF2430B 250V - 30A - 3P + Ground — **610.000**
WF2420WK 250V - 20A - 3P + Ground — **304.000**

Ổ cắm locking kín bụi
Weatherproof locking receptable
WK6330 250V - 30A - 2P + Ground — **922.000**
WK6430 250V - 20A - 3P + Ground — **1.100.000**

WN1518R
Ổ cắm đôi có dây nối đất
Grounding flat pin receptable
125V - 15A
263.000

WN9513/ WN9514
Mặt nhôm lỗ tròn
Đường kính 35,5/ 45,5mm
1 gang - 1 device aluminum plate
35,5 dia/ 45,5 dia
86.000

WN37008
Đai kim loại
Metal - Frame
13.600

WN3040K-8
Trạm nối đất
Grounding - terminal
90.000

WF6315 125V - 15A - 2P+ Ground — **109.000**
WF6320 250V - 20A - 3P — **180.000**
WF6330 250V - 30A - 2P + Ground — **448.000**
Phích cắm locking/ Locking Plug

WF6420 250V - 20A - 3P + Ground — **210.000**
WF6430 250V - 30A - 3P + Ground — **480.000**
Phích cắm locking/ Locking plug

WF4330
Phích cắm kín nước
Rubber plug
250V - 30A - 3P
631.000

WNH5611-801
Công tắc thẻ (3 tiếp điểm)
Tablet switch (3 cicuits)
250V - 10A
1.725.000

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN - TỰ ĐỘNG BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH - MCB
MCB BD - 63:IEC 60898 STANDARDS MCB BD - 125:IEC 60947 - 2 STANDARDS

MCB 01 P C Curve	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
	BBD1061CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	80.000
	BBD1101CNV	10		
	BBD1161CNV	16		
	BBD1201CNV	20		
	BBD1251CNV	25		
	BBD1321CNV	32		
	BBD1401CNV	40		
Đóng gói 48 cái/ thùng	BBD1501CNV	50		190.000
	BBD1631CNV	63		
Đóng gói 8 cái/ thùng	BBD108011C	80	230VAC 10kA	690.000
	BBD110011C	100		760.000

MCB 02 P C Curve	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
	BBD2062CNV	06	240VAC 10kA	233.000
	BBD2102CNV	10		
	BBD2162CNV	16		
	BBD2202CNV	20		
	BBD2252CNV	25		
	BBD2322CNV	32	415VAC 06kA	
	BBD2402CNV	40		
Đóng gói 24 cái/ thùng	BBD2502CNV	50		385.000
	BBD2632CNV	63		
Đóng gói 4 cái/ thùng	BBD208021C	80	400VAC 10kA	1.370.000
	BBD210021C	100		1.500.000

MCB 03 P C Curve	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
	BBD3063CNV	06	415VAC 06kA	412.000
	BBD3103CNV	10		
	BBD3163CNV	16		
	BBD3203CNV	20		
	BBD3253CNV	25		
	BBD3323CNV	32		
	BBD3403CNV	40		
Đóng gói 16 cái/ thùng	BBD3503CNV	50		616.000
	BBD3633CNV	63		
Đóng gói 2 cái/ thùng	BBD308031C	80	400VAC 10kA	1.820.000
	BBD310031C	100		1.920.000

MCB 04 P C Curve	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
	BBD4064CA	06	415VAC 06kA	580.000
	BBD4104CA	10		
	BBD4164CNV	16		
	BBD4204CNV	20		
	BBD4254CNV	25		
	BBD4324CNV	32		
	BBD4404CNV	40		
Đóng gói 12 cái/ thùng	BBD4504CNV	50		867.000
	BBD4634CNV	63		
Đóng gói 2 cái/ thùng	BBD408041C	80	400VAC 10kA	2.820.000
	BBD410041C	100		3.020.000

RESIDUAL CIRCUIT BREAKER OVERCURRENT RCBO BẢO VỆ CHỐNG DÒNG RÒ & QUÁ TẢI / 02 P - C CURVE.RCBO BDE-40, 63:IEC 601009 STANDARDS

Mã số Code	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VNĐ)	Mã số Code	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VNĐ)
BBDE20631CNV	06	30	06		BBDE23231CNV	32	30	06	
BBDE21631CNV	16			550.000	BBDE24031CNV	40			590.000
BBDE22031CNV	20				BBDE25031CNV	50			
BBDE22531CNV	25			590.000	BBDE26331CNV	63			840.000

Đóng gói 24 cái/ thùng

Ngắt điện nhanh, độ bền cao, an toàn cho thiết bị và người sử dụng

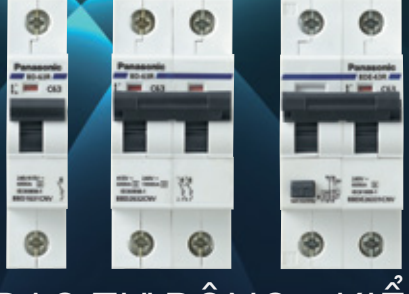

CẦU DAO TỰ ĐỘNG - KIỂU DIN

Ngắt điện nhanh hơn giúp hệ thống điện an toàn hơn và phòng ngừa hỏa hoạn.

Dòng điện chạy qua tiếp điểm ổn định hơn giúp giảm hao mòn tiếp điểm, tăng tuổi thọ cầu dao và thiết bị sử dụng điện.

Ba trạng thái nhận biết cầu dao ở chế độ Đóng điện/ Tắt điện/ Ngắn mạch.

CẦU DAO ĐÓNG NGẮT MẠCH ĐIỆN TỰ ĐỘNG BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH - Molded Case Circuit Breaker - MCCB

IEC 60947-2 Standards

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật Specifications			Đơn giá Price (VNĐ)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 200 VAC	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 415 VAC	
MCCB 02 P - GD Series					
	BBW240SKY	40	10	2,5	**850.000**
	BBW250SKY	50			
	DIN rail mounting (Gắn trên thanh ray)				
	BBW260Y	60	5	2,5	**910.000**
	BBW275SKY	75	50	25	**1.670.000**
	BBW2100SKY	100			
MCCB 03 P - GD Series					
	BBW310Y	10	2.5	1,5	**670.000**
	BBW315Y	15			
	BBW320Y	20			
	BBW330Y	30			
	BBW340SKY	40	10	2,5	**1.085.000**
	BBW350SKY	50			
	BBW360SKY	60	10	2,5	**1.095.000**
	DIN rail mounting				
	BBW375SKY	75	50	25	**2.140.000**
	BBW3100SKY	100			
	BBW3125SKY	125	50	25	**2.780.000**
	BBW3150SKY	150			**2.895.000**
MCCB 03 P - GD Series					
	BBW3175KY	175	50	25	**3.830.000**
	BBW3200KY	200			
	BBW3225KY	225			
	BBW3250KY	250	50	25	**6.110.000**
	BBW3400KY	400	50	25	**8.350.000**

BỘ NGẮT MẠCH AN TOÀN HB-02P & ELB BẢO VỆ DÒNG RÒ-02P

Safety Breaker & Earth Leakage Breaker

JIS Standards

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions			Đơn giá Price (VNĐ)
	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA) 240VAC	
Đóng gói 50 cái/ thùng	**BS11106TV**	6	1	**78.000**
	BS1110TV	10	1,5	
	BS1111TV	15	1,5	
	BS1112TV	20	1,5	
	BS1113TV	30	1,5	
	BS1114TV	40	1,5	
	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	**330.000**
	30	15 30	1,5	
	BJS3020NA2	ELB không bảo vệ quá tải		
	BJS3030NA2	ELB W/o O.C protected		
	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	**699.000**
	30	30	2,5	
	BJJ23030-8	ELB không bảo vệ quá tải ELB W/o O.C protected		
	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	**820.000**
	30	15 30	1,5	
	BJJ23022-8	ELB có bảo vệ quá tải		
	BJJ23032-8	ELB with O.C protected		
	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	**1.500.000**
	50	30	2,5	
	BKW2503Y	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		
	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	**2.220.000**
	60	30	10	
	BKW2603SKY	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		
	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	**3.080.000**
	100	30	25	
	BKW21003KY	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG DÂN DỤNG

Loại 1 chiều - Có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV - 20AL9	22	546	40	25	980.000
FV - 25AL9	29	835	43	30	1.080.000
FV - 30AL7	29	935	43	35	2.170.000

Loại 02 chiều - Có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV - 20RL7	20	546	39	25	1.570.000
FV - 25RL7	29	876	41	30	1.910.000
FV - 30RL6	31	990	44	35	2.245.000

Loại 01 chiều - Không có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông	
FV - 15AST	15	288	31	17	780.000

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV - 20AU9	22	580	38	25	785.000
FV - 25AU9	29	920	39	30	885.000
FV - 30AU9	29	1.200	39	35	1.440.000

Loại 02 chiều - Không có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV - 20RG7	20	580	36	25	1.430.000
FV - 25RG7	29	945	38	30	1.630.000
FV - 30RG7	31	1.165	39	35	2.020.000

Có màn che chống côn trùng và ống thông nghiêng cản mưa

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Đường kính chừa lỗ tường (cm)	
FV-10EGS1	5,5	75	35	12	750.000
FV-15EGS1	6,2	150	36	16,5	910.000

Có nắp che mưa

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Đường kính chừa lỗ tường (cm)	
FV - 10EGK	5,5	75	33	13	815.000
FV - 15EGK	6,2	160	34	18	1.040.000

Quạt hút dùng cho nhà bếp

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-25AUF1	34	835	42	30	1.480.000

- Nắp đậy dạng lưới bằng nhôm không dính nước
  (Dầu sẽ đọng lại thành từng hạt và rơi vào khay chứa dầu)
- Dễ lau sạch bụi bẩn, bảo trì dễ dàng và có khay trữ dầu thể tích lớn
- Có kim chỉ mức dầu

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	kích thước chừa lỗ tường tròn (cm)	
FV-15WU4	8	210	35	18	920.000
FV-20WU4	16	360	32	24	1.190.000

- Quạt hút ốp vách kính
- Đường kính lỗ kính 17,7cm / 23,8 cm

QUẠT HÚT ÂM TRẦN

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Đường kính chừa lỗ tường (cm)	
Không dùng với ống dẫn					
FV-20CUT1	22,6	438	40,5	26	825.000
Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ					
FV - 17CU7	11	85	26	17	2.255.000
FV - 24CU7	14	140	28	24	2.800.000
FV - 24CD7	17	170	31	24	2.890.000
FV - 24CH7	20	200	35	24	3.030.000
Dùng với ống dẫn Ø150mm - 2 cấp tốc độ					
FV - 27CH9	23 (Low)	260 (Low)	30	27	
	28 (High)	330 (High)	34		4.550.000
FV - 32CD9	32 (Low)	300 (Low)	28	32	
	42 (High)	430 (High)	36		6.100.000
FV - 32CH9	45 (Low)	400 (Low)	34	32	
	55 (High)	530 (High)	41		6.650.000
FV - 38CD8	66 (Low)	430 (Low)	35	38	
	90 (High)	640 (High)	44		8.300.000
FV - 38CH8	89 (Low)	525 (Low)	40	38	
	122 (High)	800 (High)	50		9.000.000

FV - 24JR2 - Có sensor cảm ứng hồng ngoại — 5.000.000
FV - 24JA2 — 4.350.000

- Động cơ DC, tiết kiệm điện, công suất 8W, độ ồn 31dB
- Kích thước lỗ trần 24cm, dùng với ống dẫn Ø100mm
- 1 chế độ hẹn giờ tắt: 15 phút
- 3 cấp độ gió: 80/120/160

QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP
Industrial Ventilating Fans

Mã số	W	CMH	dB	D (cm)	
Động cơ 01 pha - Có thanh chắn					
FV - 40KUT	61	2.060	49	43,5 x 43,5	3.315.000
Dòng sản phẩm chịu áp lực cao					
FV - 25GS4	39	1.150	34	27,5	4.450.000
FV - 30GS4	59	1.820	38	32,5	6.150.000
FV - 35GS4	88	2.560	44	39,5	7.550.000
FV - 40GS4	161	3.610	47	44,5	9.600.000
FV - 45GS4 Made in Japan	227	5.200	51	50	15.700.000

QUẠT HÚT CABINET
Độ ồn thấp

Mã hàng	Cấp độ	W	CMH	dB	D (cm)	
FV - 12NS3	Hi	18	180	21	Ø100	
	Low	17	145	17		2.950.000
FV - 15NS3	Hi	33	340	25	Ø150	
	Low	29.5	275	22		3.900.000
FV - 18NS3	Hi	60	500	29	Ø150	
	Low	55	405	27		4.650.000
FV - 18NF3	Hi	91	770	31	Ø200	
	Low	80	620	29		5.650.000
FV - 20NS3	Hi	120	920	32	Ø200	
	Low	113	720	29		6.990.000
FV - 23NL3	Hi	230	1200	40	Ø200	
	Low	170	900	34		8.550.000
FV - 25NS3	Hi	345	1700	41	Ø250	
	Low	265	1380	38		11.300.000
FV - 25NF3	Hi	390	1900	43	Ø250	
	Low	325	1600	40		12.990.000

QUẠT ĐỨNG - STANDING FAN

F - 409KB (Màu xanh)
F - 409KBE (Màu beige)
F - 409KMR (Màu đỏ)
- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 54W
- Lưu lượng gió 66 CMH
- Chiều cao quạt 128cm - 143 cm
- Có remote
- 3 cấp độ gió
- Chế độ gió theo nhịp (Rhythm Mode)
- Hẹn giờ tắt 1 - 3 - 6 giờ

3.680.000

F - 407WGO (Màu vàng kim)
- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 57W
- Lưu lượng gió 54 CMH
- Chiều cao quạt 143cm -171cm
- 3 cấp độ gió
- Có trang bị đèn ngủ

3.000.000

F - 308NHB (Màu xanh)
F - 308NHP (Màu hồng)
- Đường kính cánh 30cm
- Công suất 59W
- Lưu lượng gió 64 CMH
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Động cơ được thiết kế mỏng và gọn nhẹ
- 3 cấp độ gió
- Có remote
- Hẹn giờ tắt 1 - 2 - 4 giờ
- Chiều cao quạt 91 - 105cm

3.650.000

F - 307KHB (Màu xanh)
F - 307KHS (Màu bạc)
- Đường kính cánh 30cm
- Công suất 38W
- Lưu lượng gió 51 CMH
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Màng lọc không khí chống bụi và kháng khuẩn
- 3 cấp độ gió
- Có remote
- Hẹn giờ tắt 1 - 2 - 4 giờ
- Chiều cao quạt 66 - 85cm

2.550.000

QUẠT BÀN - DESK FAN

F - 400CB (Màu xanh)
F - 400CI (Màu trắng ngà)
- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 63W
- Lưu lượng gió 66 CMH
- 3 cấp độ gió
- Di chuyển dễ dàng

1.350.000

F - 409QB (Màu xanh)
F - 409QGO (Màu vàng)
- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 51W
- Lưu lượng gió 68 CMH
- Quạt đảo 360^0
- Sử dụng hộp số 5 cấp độ gió

2.950.000

QUẠT TREO TƯỜNG - WALL FAN

F - 409MB (Màu xanh)
F - 409MG (Màu trắng ngà)
- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 59W
- Lưu lượng gió 59 CMH
- 3 cấp độ gió
- Có remote
- Hẹn giờ tắt 1 - 3 - 6 giờ

2.590.000

F - 409UB (Màu xanh)
F - 409UGO (Màu vàng kim)
- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 59W
- Lưu lượng gió 68 CMH
- 3 cấp độ gió
- Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

2.090.000

MÁY SẤY TAY / AUTOMATIC HAND DRYER

KHÔ NHANH 3-5 GIÂY, 59DB

- Hiệu ứng sấy khô hai lần
  Hai dãy đầu sấy.
- Thổi mạnh loại bỏ các giọt nhỏ
  Đầu sấy dài hội tụ.

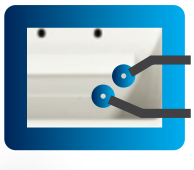

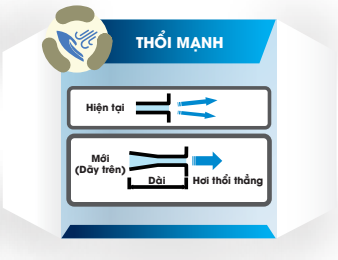

FJ - T10T1
- Thiết kế sang trọng, hiện đại với màn lọc chống dị ứng và lớp vỏ ngoài kháng khuẩn
- Giúp sấy khô nhanh trong 3 - 5 giây với chức năng sấy từ 2 mặt bên và 4 vòi phun
- Có thể chọn tốc độ gió cao và thấp (Hi/Lo)
- Máy sẽ tự động tắt sau 30 giây hoạt động liên tục
- Đèn LED tín hiệu
- Công suất 1250W
- Độ ồn 59dB

19.500.000

MÁY SƯỞI DÙNG CHO PHÒNG TẮM
Có chức năng thông gió

FV - 27BV1
- Chức năng thông gió và sưởi ấm
- Kích thước lắp đặt 270mm x 270mm
- Kích thước ống dẫn Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1.130	130	46
Thông gió	21	150	42

5.990.000

QUẠT HÚT DÀNH RIÊNG CHO PHÒNG TẮM

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)
FV-10BAT1	15	85	40	16x21

1.980.000

FJ - T09A3 (Có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

7.050.000

FJ - T09B3 (Không có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

5.990.000

Động cơ điện một chiều

Động cơ điện một chiều (DC) là công nghệ mới, được Tập đoàn Panasonic ứng dụng vào việc sản xuất quạt trần.
Với động cơ 1 chiều (DC) giúp mức thụ điện thấp hơn so với động cơ xoay chiều (AC). Động cơ 1 chiều cũng có trọng lượng nhẹ hơn so với động cơ xoay chiều (AC)

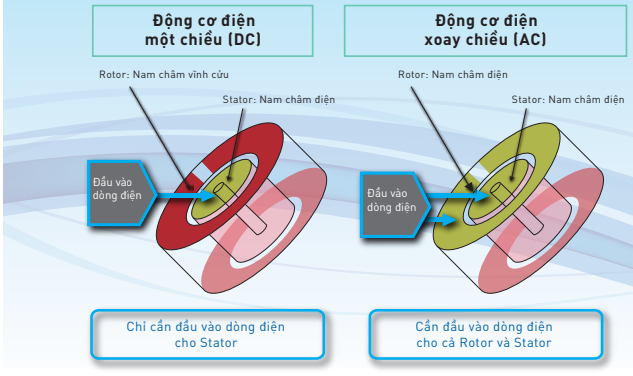

Thiết kế cánh quạt 3D

Thiết kế cánh quạt 3D độc đáo và duy nhất giúp mang lại luồng gió êm ái và mạnh mẽ, tuy vậy vẫn giảm thiểu tối đa tiếng ồn.

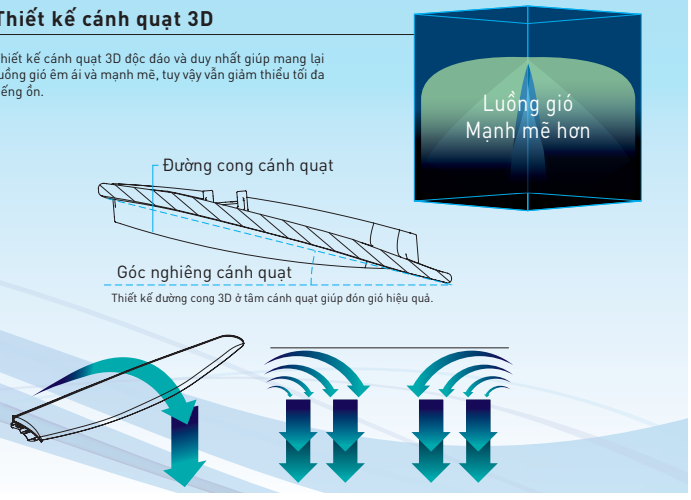

QUẠT TRẦN CÓ ĐÈN LED

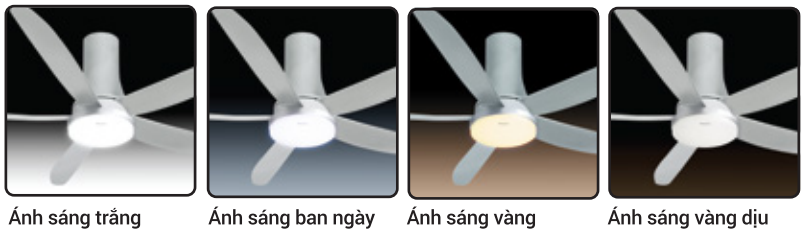

Ánh sáng trắng | Ánh sáng ban ngày | Ánh sáng vàng | Ánh sáng vàng dịu

- Đường kính cánh 150cm
- Chiều dài ti 30cm
- Đèn LED có 4 chế độ sáng

F-60UFN
- Động cơ DC tiết kiệm điện
- Công suất 57W (motor: 37W, đèn: 20W)
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235 CMH
- Dây an toàn
- Chức năng tạo gió thiên nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- Màn hình remote bằng LED
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)
- 8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)

11.900.000

QUẠT TRẦN / ĐỘNG CƠ DC

*Cảnh báo : dùng Dimmer điều khiển quạt sẽ gây cháy mạch

- Đường kính cánh 150cm
- Chiều dài ti 30cm

F-60TDN
- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 39W
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 240 CMH
- Dây an toàn
- Chức năng tạo gió thiên nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- Màn hình remote bằng LED
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)
- 8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)

6.650.000

- Đường kính cánh 150cm
- Chiều dài ti 30cm

F-60TAN
- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 39W
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 240 CMH
- Dây an toàn
- Chức năng tạo gió thiên nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- Màn hình remote bằng LED
- 8 chế độ hẹn giờ tắt (1 - 8 giờ)
- 8 chế độ hẹn giờ mở (1 - 8 giờ)
- Chức năng tự thay đổi tốc độ theo nhiệt độ phòng

8.990.000

QUẠT TRẦN

*Cảnh báo : dùng Dimmer điều khiển quạt sẽ gây cháy mạch

- Đường kính cánh 150cm
- Chiều dài ti 30cm

F - 60WWK
- 7 cấp độ gió, công suất 84W
- Dây an toàn, lưu lượng gió 225 CMH
- Chức năng tạo gió thiên nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- Màn hình remote bằng LED
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)

6.650.000

- Đường kính cánh 140cm
- Chiều dài ti 30cm

F - 56XPG
- 3 cấp độ gió, công suất 64W
- Lưu lượng gió 215 CMH
- Có remote
- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt

3.420.000

- Đường kính cánh 140cm
- Chiều dài ti 30cm

F - 56PZM
- 5 cấp độ gió, công suất 71W
- Lưu lượng gió 215 CMH
- Dây an toàn
- Chức năng tạo gió thiên nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- Màn hình remote bằng LED
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)
- Chức năng tự thay đổi tốc độ theo nhiệt độ phòng

7.490.000

- Đường kính cánh 140cm
- Chiều dài ti 30cm

F - 56MPG - GO (Màu vàng ánh kim)
F - 56MPG - S (Màu bạc)
- 3 cấp độ gió, công suất 64W
- Lưu lượng gió 190 CMH
- Có remote
- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt

3.110.000

Màu trắng viền vàng

Hộp số loại nổi

F - 60MZ2 (Chiều dài ti: 50cm)
F - 60MZ2 - S (Chiều dài ti: 30cm)
- 5 cấp độ gió, công suất 66W
- Lưu lượng gió 215 CMH
- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- Cánh quạt được gia cố thêm lúc vận hành
- Đường kính cánh: 150cm

1.450.000

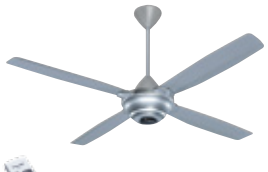

- Đường kính cánh 140cm
- Chiều dài ti 40cm

F - 56MZG - GO (Màu vàng ánh kim)
F - 56MZG - S (Màu bạc)
- 3 cấp độ gió, công suất 64W
- Lưu lượng gió 190 CMH
- Có remote
- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt

3.110.000

CÔNG NGHỆ NANOE ™

KHÁNG KHUẨN / NGỪA VIRUS

- Diệt 99.9% virus (H1N1) (*1) và (H5N1) (*2).
- Diệt 99.9% VI KHUẨN (E Coli O 157, MRSA.H

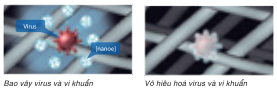

Bao vây virus và vi khuẩn | Vô hiệu hoá virus và vi khuẩn

KHỬ MÙI

- Giảm 90% mùi (mùi thuốc lá) chỉ sau 30 phút.

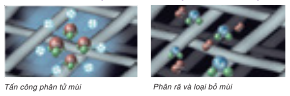

Tấn công phân tử mùi | Phân rã và loại bỏ mùi

GIỮ ẨM DA

- Giúp cho làn da tươi mát và được giữ ẩm tốt.

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ECONAVI

Kiểm tra các chất ô nhiễm

Thông qua cảm biến mùi và cảm biến bụi trong nhà khoảng 10 phút mỗi giờ ở tốc độ trung bình.

Tìm hiểu quy luật ô nhiễm

Ghi nhớ quy luật ô nhiễm trong nhà và tự động đưa ra mô hình hoạt động làm giảm thiểu tối đa sự ô nhiễm trước khi nó phát tán trong nhà.

Tiết kiệm điện lên đến 50% (*1)

So sánh với chế độ tự động

TẤM LỌC KHÍ

Tấm lọc khí tích hợp

Chỉ vệ sinh khô tránh tiếp xúc với nước

Tấm lọc tích hợp bao gồm bộ tinh lọc Super Alleru-buster, tinh chất Catechin trong trà xanh và Enzyme kháng khuẩn

Tấm lọc khử mùi công nghệ Super Nano

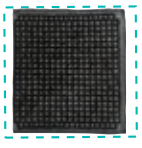

Tấm lọc khử mùi công nghệ Super Nano giúp khử các mùi hôi như khói thuốc hay mùi thức ăn.

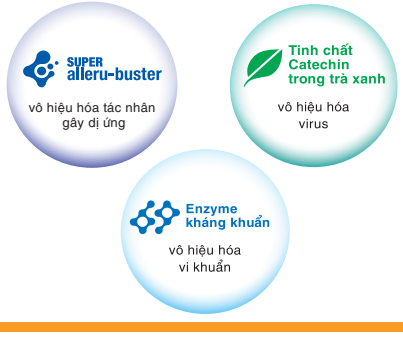

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ VÀ KHỬ MÙI nano-technology + electric = nanoe

F-VXK70A (Máy lọc không khí có tạo ẩm)

- Chức năng tạo ẩm có đèn báo.
- Thiết kế sang trọng, hiện đại.
- Công suất lớn, diện tích sử dụng 52m2, phù hợp cho phòng họp, phòng khách, phòng sinh hoạt chung.
- Chế độ ECONAVI tiết kiệm tới 60% năng lượng tiêu thụ, tự động điều chỉnh theo giấc ngủ.
- Công nghệ MEGACATCHER giúp làm sạch hiệu quả vùng không khí cách mặt đất 30cm, đảm bảo cung cấp không khí an toàn cho trẻ nhỏ.
- Chế độ cảm biến con người, giúp máy tự hoạt động khi có người xuất hiện.
- Lưới lọc bụi HEPA hoàn toàn mới, lọc sạch cả các bụi PM2.5 nhỏ li ti.
- Lưới lọc mùi và lưới tạo ẩm độ bền cao, tuổi thọ 10 năm.

Có thể đặt đứng hoặc treo tường

	F - VXK70A	F - PXM55A	F - PXL45A	F - PXF35A	F - PXJ30A
	NEW				
	14.500.000	12.500.000	10.650.000	6.600.000	4.300.000
Thông số kỹ thuật					
- Lưu lượng gió (m^3/min) - hi	6,7	5,5	4,5	3,5	2,8
- Điện tiêu thụ (W) - hi	66	49	42	20	30
- Độ ồn [db(A)] - hi	54	52	52	44	44
- Phạm vi hoạt động [(m^2)]	52	42	33	26	20
- Công nghệ lọc	nanoe™	nanoe™	nanoe™	nanoe™	nanoe™
- Loại Mô-tơ	DC	DC	DC	DC	AC
- Hút gió 3 chiều	●	●	●	●	●
- Cảm biến sensor	Bụi và Mùi - Độ ẩm Ánh sáng-Chuyển động	Bụi và mùi Ánh sáng	Bụi và mùi Ánh sáng	Mùi	Mùi
- Đo mức độ ô nhiễm	●	●	●	●	●
- Đèn báo PM2.5	●	●	●	–	–
- Chế độ tự động	●	●	●	●	●
- Chế độ Turbor	●	●	●	●	●
- Chế độ ngủ [8 giờ]	●	●	●	●	●
- Chế độ báo thay bộ lọc	●	●	●	●	●
- Chế độ khóa trẻ em	●	●	●	–	–
- Kích thước (C x R x S) [mm]	636x398x265	580x300x205	516x404x235	520x300x189	540x311x210
- Chế độ Econavi	●	●	●	–	–
- Điều khiển bằng remote	–	–	●	–	–
- Tuổi thọ bộ lọc [Hỗn hợp]	10 năm	10 năm	3 năm	3 năm	2 năm
[Khử mùi]					
- Giá bộ lọc [Hỗn hợp]		1.690.000	1.350.000	900.000	750.000
[Khử mùi]		740.000	800.000	600.000	500.000

MÁY BƠM ĐẨY CAO

GP - 129JXK - SV5 — 1.470.000
(Dây điện 15cm)
GP - 129JXK - NV5 — 1.490.000
(Dây điện 160cm + phích cắm)
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 21m

GP - 200JXK - SV5 — 1.870.000
(Dây điện 15cm)
GP - 200JXK - NV5 — 1.890.000
(Dây điện 160cm + phích cắm)
- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 21m
- Mô tơ dây đồng

GP - 250JXK - SV5 — 2.970.000
(Dây điện 15cm)
GP - 250JXK - NV5 — 2.990.000
(Dây điện 160cm + phích cắm)
- Công suất 250W
- Lưu lượng nước 50 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 29m
- Mô tơ dây đồng

GP - 350JA - SV5 — 4.400.000
(Dây điện 15cm)
GP - 350JA - NV5 — 4.420.000
(Dây điện 120cm + phích cắm)
- Công suất 350W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 36m
- Mô tơ dây đồng

MÁY BƠM TĂNG ÁP

A - 130JAK — 2.110.000
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m

A - 200JAK — 2.450.000
- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng

A - 130JACK — 2.540.000
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng

A - 130JTX — 3.640.000
(Tính năng tạo bọt khí)
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng

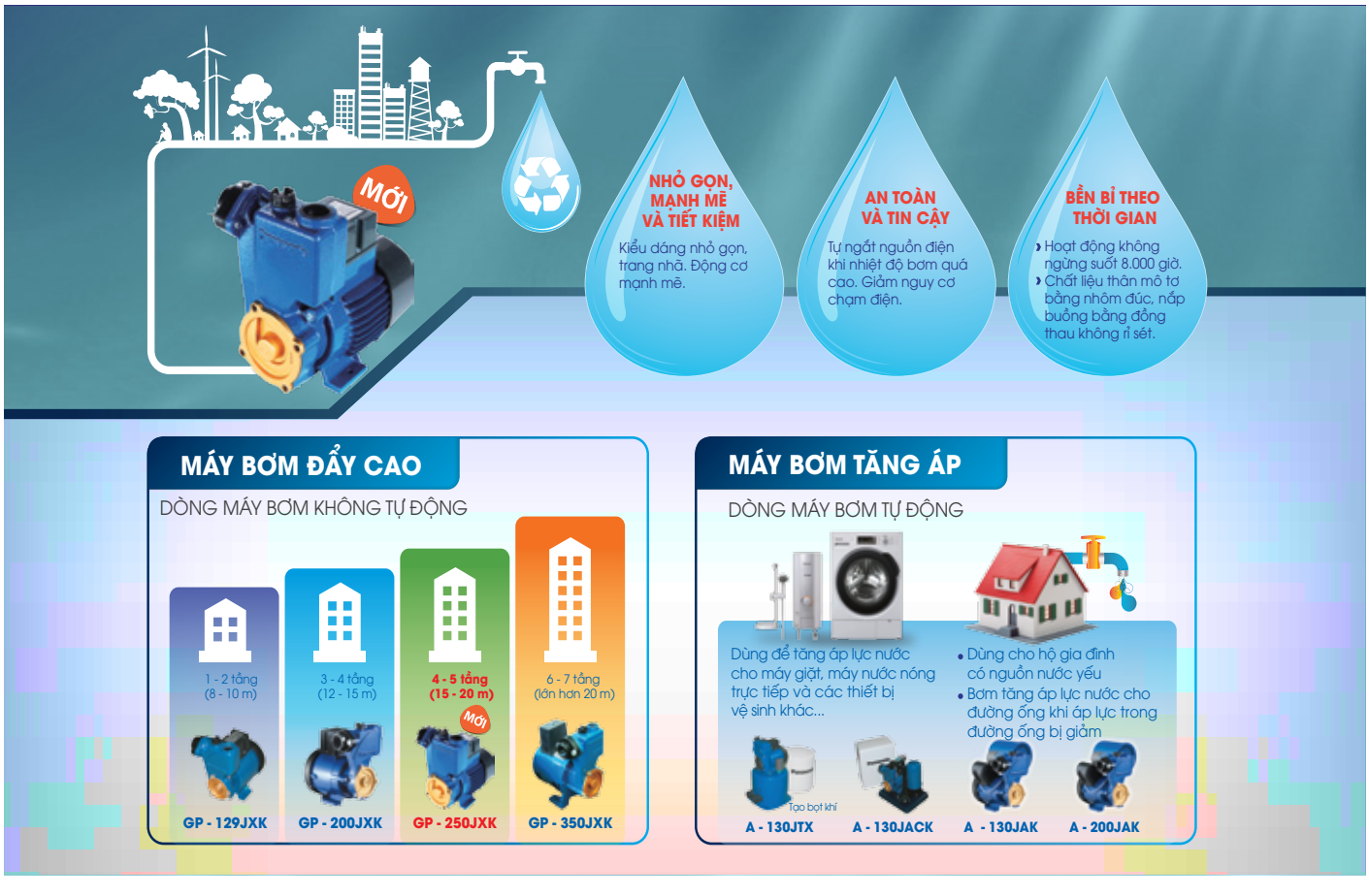

MÁY NƯỚC NÓNG KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

DH-3RL2VH / DH-3JL4VA — **2.990.000**
- Công suất: 3,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn
- 1 nút vặn xoay để bật tắt
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- **Đạt tiêu chuẩn EMC**
- Đóng gói 6 cái 1 thùng

DH-4MS1VW — **3.490.000**
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- **Đạt tiêu chuẩn EMC**
- Đóng gói 6 cái 1 thùng

DH-4NS3VW — **4.190.000**
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế mới màu trắng trang nhã
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 6 cái 1 thùng

DH-4NS3VS — **4.690.000**
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế mới màu bạc sang trọng
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Thanh trượt vòi sen cấu tạo bởi chrome chắc, mượt
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 6 cái 1 thùng

MÁY NƯỚC NÓNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

DH-3RP2VK / DH-3JP4VH — **4.990.000**
- Công suất: 3,5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp (0.05 kgf/cm2)
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- **Đạt tiêu chuẩn EMC**
- Đóng gói 6 cái 1 thùng

DH-4MP1VW — **5.350.000**
- Công suất: 4,5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- **Đạt tiêu chuẩn EMC**
- Đóng gói 6 cái 1 thùng

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỪ EMC" theo quy định của Nhà Nước*

*Theo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 9:2012/BKHCM về tương thích điện từ (EMC)

TÍNH NĂNG AN TOÀN

ELCB chống giật
Tuyệt đối an toàn nhờ ngắt 2 dây trung tính và dây nóng khi có rò rỉ dòng. Nguồn điện tự động ngắt ngay khi có rò rỉ dòng vượt quá 15mA.

Cảm ứng dòng nước
Tự động ngắt nhiệt trong trường hợp dòng nước quá yếu.

Vỏ máy chống tia nước phun
- Chống nước phun vào máy.
- Đáp ứng chuẩn an toàn IP25.

Kiểm soát nhiệt độ
Tự động ngắt nhiệt khi nhiệt độ nước vượt quá mức ấn định.

Bộ điều chỉnh nhiệt tự động
Tự động ngắt nguồn điện nếu bộ phận kiểm soát nhiệt độ không hoạt động khi nhiệt độ nước vượt quá mức ấn định.

Một nút nhấn On/Off
Một nút nhấn để ngắt nguồn điện và nguồn nước.

Vật liệu chống cháy
Vỏ máy làm bằng nguyên liệu chống cháy.

Vỏ bình nung bằng nguyên liệu polyamide gia cường chống cháy
Bền bỉ và an toàn cao, giảm thiểu tình trạng rò rỉ nước bất thường.

Kết cấu cách điện Chống sốc điện

An toàn thách thức mọi biến cố

BẾP ĐIỆN TỪ / QUẠT HÚT MÙI

SẢN XUẤT TẠI NHẬT BẢN

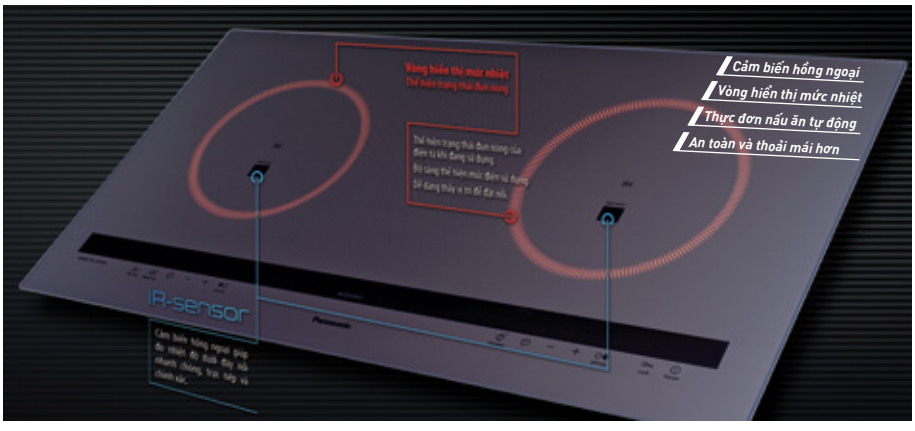

Mã sản phẩm	KY-C227D 25.990.000		KY-A227D 22.990.000	
Màu mặt trên	Xám		Đen	
Màu thân	Đen		Đen	
Kích thước mm	742(R)*400(S)*107(C)			
Kích thước chừa lỗ mm	710(R)*368(S)			
Điện vào	2,800W - 13A		2,800W - 13A	
Công suất (tối đa)	Trái	Phải	Trái	Phải
	2.800W	2.800W	2.800W	1.800W
Cấp độ điều chỉnh nhiệt	9	9	9	8
Cảm biến hồng ngoại	O	O	O	-
Thực đơn nấu tự động	Rán chảo ít dầu/ Rán chảo nhiều dầu	Nấu cháo	-	Nấu cháo
Vòng hiển thị mức nhiệt	O	O	-	-
Công nghệ ECONAVI	O		-	
Điều khiển	Cảm ứng		Cảm ứng	
Hiển thị mức nhiệt	Số		Số	
Khóa an toàn	O		O	
Đèn báo nhiệt độ cao	O		O	
Chế độ tự động tắt	O		O	
Hẹn giờ	O		O	
Xuất xứ	Nhật Bản		Nhật Bản	

Bếp không bị nóng

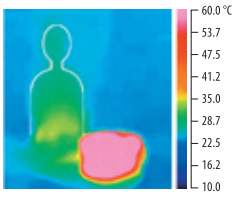

Gian bếp không bị nóng vì bếp từ chỉ làm nóng dụng cụ nấu ăn. Và việc không dùng lửa có nghĩa là bạn có thể thoải mái mở cửa sổ và tận hưởng gió mát

An toàn

Biểu hiện	Thời gian tắt tự động
Trên bếp không có nồi, đồng thời không ai chạm tay vào nút điều khiển nào	Sau 1 phút (xấp xỉ)
Đun nóng nồi không có thức ăn	Sau 15 phút (xấp xỉ)
Không ai chạm vào bất kỳ nút điều khiển nào	Sau 45 phút (xấp xỉ)

Thiết kế cuộn kép

Cấp điện đồng thời cho cả cuộn trong và cuộn ngoài, giúp tạo nhiệt độ đồng đều và ổn định.

MỚI Tính Năng Mới

CẢM BIẾN HỒNG NGOẠI Cảm biến hồng ngoại giúp đo nhiệt độ dưới đáy nồi nhanh chóng, trực tiếp và chính xác.

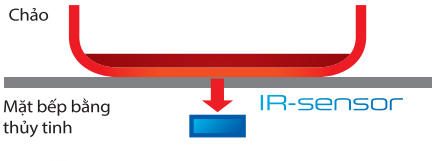

Xác định chính xác nhiệt độ dưới đáy nồi nhờ cảm biến hồng ngoại.

ECONAVI

Chương trình điều khiển tăng nhiệt độ nhanh chóng và chính xác theo yêu cầu, duy trì ở mức mong muốn.

Đem lại màu nâu sậm đồng nhất cho món ăn.

Khi thức ăn trong nồi nguội đi, bếp tăng nhiệt nhanh chóng để duy trì nhiệt độ ở mức cần thiết.

■ Điều chỉnh nhiệt độ chính xác theo cách nấu ăn

Nút thực đơn nấu tự động

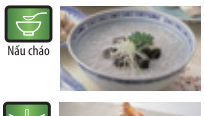

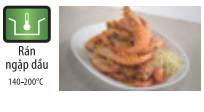

QUẠT HÚT MÙI DÙNG ỐNG DẪN / 02 ĐỘNG CƠ

Chiều dài 70cm

Model	FV-70HQU1-S (màu bạc)	FV-70HQU1-GO (màu vàng kim)
Công suất (W)	140	
Lưu lượng gió (CMH)	730	
Độ ồn (dB)	53	
Đường kính lỗ trần (ø)	15 cm	
Cấp tốc độ	2	
Điều khiển bằng	Cần gạt	
2 động cơ	Hoạt động độc lập	

6.900.000

Chiều dài 70cm

Model	FV-70HQD1-S (màu bạc)	FV-70HQD1-GO (màu vàng kim)
Công suất (W)	140	
Lưu lượng gió (CMH)	730	
Độ ồn (dB)	53	
Đường kính lỗ trần (ø)	15 cm	
Cấp tốc độ	3	
Điều khiển bằng	Nút nhấn	
2 động cơ	Hoạt động đồng thời	

7.780.000

Ánh sáng rực

Đèn giúp đảm bảo khu vực mong muốn được chiếu sáng đúng cách nhất.

Ánh sáng tỏa đều

Công nghệ phân bổ ánh sáng độc đáo của Panasonic chiếu sáng nhẹ nhàng và tỏa đều.

Ánh sáng tự nhiên

Với độ diễn sắc cao (Ra 83), ánh sáng phát ra rất gần vs ánh sáng tự nhiên, sáng rõ hình ảnh trên tạp chí, sách, vv... và mang lại màu sắc thật, tự nhiên của các vật thể được chiếu sáng.

Hiện tượng bóng đổ nhòa ở các đèn LED thường đã được loại bỏ, khiến cho việc đọc chữ thuận tiện hơn.

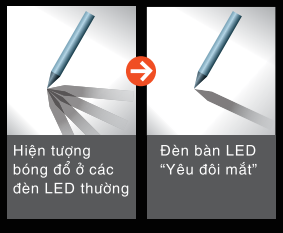

ĐÈN BÀN LED - Tuổi thọ 20.000 giờ

NNP60900 (Trắng)
NNP60901 (Đen)
NNP60902 (Xanh)
Thiết kế gọn & có thể gấp đèn sau khi sử dụng.
Ánh sáng trắng tự nhiên không gây lóa mắt, tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
Sử dụng cổng sạc USB
Tiết kiệm điện năng - 4.5W

745.000

NNP60940 (Trắng)
NNP60941 (Đen)
NNP60946 (Hồng)
Thiết kế cực gọn & thanh lịch
Ánh sáng trắng tự nhiên không gây lóa mắt, tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
Sử dụng cổng sạc USB
Tiết kiệm điện năng - 4.5W

1.140.000

NNP61922 (Xanh)
NNP61923 (Bạc)
NNP61925 (Xám)
Thiết kế gọn & có thể gấp đèn sau khi sử dụng.
Ánh sáng trắng tự nhiên không gây lóa mắt, tùy chỉnh độ sáng với 6 cấp độ sáng khác nhau
Đầu đèn có thể xoay được 90 độ
Tiết kiệm điện năng - 6W

1.410.000

NNP63933 (Bạc)
NNP63934 (Vàng)
NNP63935 (Xám)
Thiết kế giúp điều chỉnh nguồn sáng một cách linh hoạt
Ánh sáng trắng tự nhiên không gây lóa mắt, điều chỉnh độ sáng bằng cảm ứng theo ý muốn
Cổng USB có thể sử dụng để sạc cho các thiết bị điện tử
Tiết kiệm điện năng - 9W
3 chế độ, công dụng định sẵn: đọc sách, làm việc, thư giãn
Ngoài tùy chỉnh ánh sáng, đèn này có thêm **7 bước điều chỉnh ánh sáng**

2.340.000

ĐÈN BÀN LED - Tuổi thọ 40.000 giờ

SQ - LD300 - A (Xanh Dương)
SQ - LD300 - P (Hồng)
SQ - LD300 - W (Trắng)
Thiết kế nhỏ gọn & có thể gấp lại sau khi sử dụng
Tùy chỉnh độ sáng với 5 cấp độ sáng khác nhau
Độ sáng ổn định, không tạo bóng nhòe
Tiết kiệm điện năng - 7W

1.930.000

SQ - LD221 - R (Đỏ)
SQ - LD221 - S (Bạc)
Thiết kế giúp điều chỉnh nguồn sáng một cách linh hoạt
Độ sáng rất ổn định & không tạo bóng nhòe
Góc độ sáng rộng
Tùy chỉnh độ sáng với 5 cấp độ sáng khác nhau

1.430.000

SQ - LE530 - W (Trắng)
SQ - LE530 - H (Xám đậm)
Đổi màu đèn LED bằng cách đóng hoặc mở cần đèn
Một chiếc đèn 2 công dụng :
• Ánh sáng trắng ấm để thư giãn
• Ánh sáng trắng để đọc sách, làm việc
Tùy chỉnh độ sáng với 5 cấp độ sáng khác nhau
Công suất 7W

3.620.000

ĐÈN TRẦN LED ĐA NĂNG (SCENE)

HH-LAZ502288
Công suất 79W/ 0,37A/ AC220 - 240V
Kích thước Ø800mm/ H160mm/ 6,5 Kg
Quang hiệu: 63.3lm/W(5000lm/79W), CRI: Ra85
Chiếu trực diện: 5000lm. Chiếu gián tiếp: 600lm.
Chiếu điểm: 300lm
Kèm remote đổi màu (100% - 5%), đổi màu ánh sáng vàng
Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)
Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng
(tối đa - bình thường - đèn ngủ)

14.850.000

ĐÈN TRẦN LED BÁO THỨC (ASSA)

HH-LAZ303488
Công suất 49W/ 0,23A/ AC220 - 240V
Kích thước Ø620mm/ H138mm/ 3,1Kg
Quang hiệu: 77,6lm/W, CRI: Ra85 (3800lm/49W)
Kèm remote đổi màu (100% - 5%), đổi màu ánh sáng vàng
Báo thức bằng ánh sáng & chuông reo
Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)
Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng
(tối đa - bình thường - đèn ngủ)

9.050.000

ĐÈN TRẦN LED CỠ LỚN

HH-LAZ306988
Công suất 46W/ 0,22A/ AC220 - 240V
Kích thước Ø660mm/ H123,6mm/ 3,2Kg
Quang hiệu: 83lm/W, CRI: Ra80 (3800lm/46W)
Chụp đèn Acrylic màu trắng sữa. Khung kép trắng.
Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng
(tối đa - bình thường - đèn ngủ)
Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)
Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng trắng vàng

7.300.000

Đèn Trần Led Đa Năng (Scene)

Bạn có thể thay đổi cảnh chiếu sáng bất kỳ lúc nào bằng remote

[Bình thường - Normal]
Chiếu sáng toàn bộ phòng.
- Khuyến nghị sử dụng màu Cool Daylight trong mùa hè hoặc vào buổi sáng.
- Khuyến nghị sử dụng màu Warm White trong mùa đông hoặc vào buổi tối.

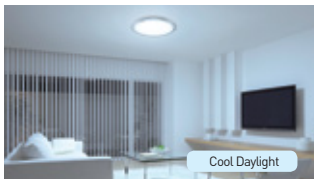

[Rạp hát - Theater]
Tạo cảnh như trong rạp hát.
- Chiếu sáng bức tường đằng sau TV để giảm mỏi mắt.
- Đèn rọi spotlight tạo không gian kéo mọi người gần nhau.

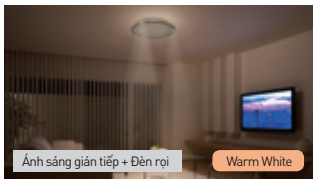

[Gia đình - Family]
Chiếu sáng khu vực chính của căn phòng.
- Tăng độ sáng của khu vực chính trong khi tản ánh sáng ra toàn bộ căn phòng.
- Đèn rọi spotlight tạo không gian kéo mọi người gần nhau hơn.

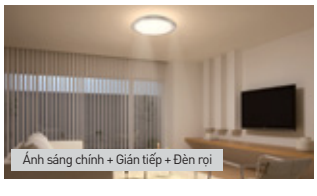

[Thư giãn - Relax]
Tạo một không gian êm đềm.
- Tạo hiệu ứng bóng đổ để tăng thêm cảm giác thư giãn.
- Tạo một không gian ánh sáng tập trung với các chùm sáng.

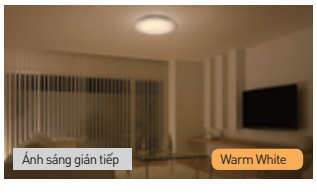

Đèn Trần Led Báo Thức (Assa)

Ánh sáng buổi tối

Bộ phận hẹn giờ ngủ sẽ tự động tắt đèn khi đến giờ ngủ.

Đèn sẽ giảm độ sáng đến khoảng 5% trong 30 giây trước khi đến giờ định sẵn trong bộ hẹn giờ. Khi đó bạn sẽ có đủ thời gian để cất kính mắt, để sách của bạn lên bàn đầu giường, v.v. trước khi đèn tắt chuẩn bị chìm vào giấc ngủ.

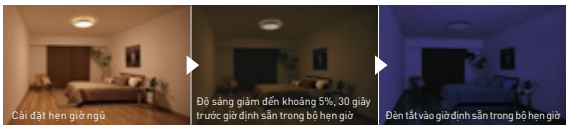

Ánh sáng thức dậy

Giống như mặt trời đang lên, màu sắc ánh sáng sẽ dần thay đổi và căn phòng sẽ sáng lên giúp bạn thức dậy cảm thấy sảng khoái.

30 phút hoặc 15 phút trước giờ định sẵn trong bộ hẹn giờ, độ sáng và màu sắc ánh sáng sẽ dần thay đổi giống như mặt trời buổi sáng đang lên. Vào giờ định sẵn, báo thức sẽ kêu. Ánh sáng và âm thanh kết hợp đồng bộ để nhẹ nhàng đánh thức bạn một cách sảng khoái.

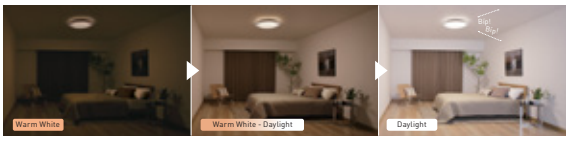

ĐÈN CHÙM LED

HH-LAZ300219
Công suất 47,2W/ 0,22A/ AC220 - 240V
Kích thước Ø600mm/ H93mm/ 7,0 Kg
Chất liệu crom với mặt thủy tinh trang trí giác cắt
Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)
Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng
(tối đa - bình thường - đèn ngủ)
Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%),
đổi màu ánh sáng vàng
Quang hiệu: 74,2lm/W (3500lm/ 47,2W)

10.650.000

HH-LAZ300319
Công suất 47,2W/ 0,22A/ AC220 - 240V
Kích thước Ø600mm/ H200mm/ 8,7 Kg
Chất liệu crom với mặt thủy tinh trang trí giác cắt
Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)
Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng
(tối đa - bình thường - đèn ngủ)
Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%),
đổi màu ánh sáng vàng
Quang hiệu: 74,2lm/W (3500lm/ 47,2W)

14.600.000

HH-LAZ5012K88 (tắt an toàn)
Công suất 66W/ 0,3A/ AC220 - 240V
Kích thước Ø700mm/ H200mm/ 10Kg
Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
Khung bạc, trang trí giác cắt thủy tinh
Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)
Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng
(tối đa - bình thường - đèn ngủ)
Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%),
đổi màu ánh sáng vàng
Quang hiệu: 71,2lm/W (4700lm/ 66W), CRI: Ra85

11.600.000

ĐÈN TRẦN LED VUÔNG - Tuổi thọ 40.000 giờ

HH-LA0606CC88
Đèn trần LED vuông cỡ nhỏ
Công suất: 8W/ 0.07A/ AC220 - 240V
Kích thước: L209mm x W209mm x H68.5mm / 0.67kg
(Ánh sáng trắng 6500K - 550lm - 68.8lm/W)

910.000

HH-LAZ504988
Đèn trần LED mảng vuông lớn (có remote)
Công suất: 68W/ 0.31A/ AC220 - 240V
Kích thước: L900mm x W734mm x H104mm / 8.6kg
(Ánh sáng trắng 6500K / vàng 3000k - 5000lm - 73.5lm/W)
Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%)
và đổi màu ánh sáng

13.650.000

HH-LB1150188
Đèn trần LED treo mảng vuông
Công suất: 19W/ 0.16A/ AC220 - 204V
Kích thước: L540mm x W540mm x H104mm / 6.2kg
(Ánh sáng vàng 3000K - 1600lm - 84.2lm/W)

11.400.000

ĐÈN TRẦN VUÔNG CỠ TRUNG - Tuổi thọ 40.000 giờ

HH-LA157888
(Ánh sáng trắng 6500K) 85,7lm/W

HH-LA157788
(Ánh sáng vàng 2700K) 85,7lm/W
Đèn LED loại trung 21W, Ø460/ H120 / 2,2 Kg
85,7lm/W, AC220V - 240V, CRI: Ra85, 1800lm/21W

2.990.000

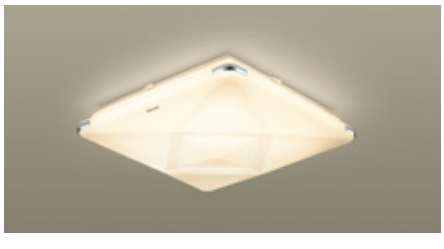

HH-LA157688
(Ánh sáng trắng 6500K)

HH-LA157488
(Ánh sáng vàng 2700K)
Đèn LED loại trung 21W, Ø460/ H120 / 2,2Kg
85,7lm/W, AC220V - 240V, CRI: Ra85, 1800lm/21W

2.990.000

HH-LA1638DB88
Đèn trần LED vuông
Công suất: 19W/ 0.16A/ AC220 - 240V
Kích thước: L490mm x W490mm x H112.5mm / 3.2kg
(Ánh sáng trắng 5000K - 1600lm - 84.2lm/W)
Góc viền kim loại.

3.100.000

BÓNG ĐÈN LED - Đuôi E27

Thân thiện với môi trường (Không chứa Thủy Ngân)

Bật sáng tức thời - Bảo hành 30 tháng - Bật tắt: 50.000 lần - Tuổi thọ: 15.000 giờ

	W	Ánh sáng	Lumen	Góc chiếu	Giá
LDAHV4DG4A	3.5	Trắng	350	200	120.000
LDAHV4LG4A	3.5	Vàng	350	200	120.000
LDAHV7DG4A	6.5	Trắng	650	200	160.000
LDAHV7LG4A	6.5	Vàng	600	200	160.000
LDAHV8DG4A	8	Trắng	850	200	185.000
LDAHV8LG4A	8	Vàng	800	200	185.000
LDAHV12DG4A	12	Trắng	1300	200	245.000
LDAHV12LG4A	12	Vàng	1250	200	245.000

*** Lưu ý: Không dùng chung với Dimmer

HH-LA1640DB88
Đèn trần LED vuông
Công suất: 19W/ 0.16A/ AC220 - 240V
Kích thước: L466mm x W466W x H112.5mm / 3.2kg
(Ánh sáng trắng 5000K - 1600lm - 84.2lm/W)

2.960.000

ĐÈN TRẦN LED CỠ LỚN

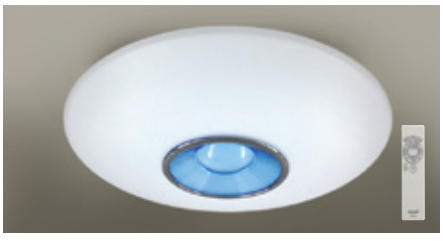

HH-LAZ307388
Công suất 46W/ 0,22A/ AC220 - 240V
Kích thước Ø580mm/ Dày 123mm/ Trọng lượng 3,2Kg
Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
Chóa trang trí lõm màu xanh dương
Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường - đèn ngủ)
Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)
Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng trắng vàng
Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
Quang hiệu 76,1lm/W (3500lm/ 46W), CRI: Ra85

6.650.000

HH-LAZ307288
Công suất 46W/ 0,22A/ AC220 - 240V
Kích thước Ø580mm/ Dày 123mm/ Trọng lượng 3,2Kg
Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
Chóa trang trí lõm trong
Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường - đèn ngủ)
Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)
Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng trắng vàng
Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
Quang hiệu 76,1lm/W (3500lm/ 46W), CRI: Ra85

6.650.000

HH-LAZ502088
Công suất 66W/ 0,3A/ AC220 - 240V
Kích thước Ø740mm/ Dày 163mm/ Trọng lượng 5,6 Kg
Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền gỗ
Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường - đèn ngủ)
Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)
Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng trắng vàng
Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
Quang hiệu 71,2lm/W (4700lm/66W), CRI: Ra85

11.700.000

HH-LAZ307488
Công suất 46W/ 0,22A/ AC220 - 240V
Kích thước Ø640mm/ Dày 123mm/ Trọng lượng 3,2Kg
Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền trắng trong
Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường)
Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)
Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng trắng vàng
Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
Quang hiệu 76,1lm/W (3500lm/46W), CRI: Ra85

6.650.000

HH-LAZ307588
Công suất 46W/ 0,22A/ AC220 - 240V
Kích thước Ø640mm/ Dày 123mm/ Trọng lượng 3,2Kg
Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền màu nâu trong
Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường)
Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)
Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng trắng vàng
Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
Quang hiệu 76,1lm/W (3500lm/46W), CRI: Ra85

6.650.000

HH-LAZ5008K88 (tắt an toàn)
Công suất 66W/ 0,22A/ AC220 - 240V
Kích thước Ø766mm/ Dày 160mm/ Trọng lượng 5,2 Kg
Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
Viền bạc trang trí thủy tinh
Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường - đèn ngủ)
Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)
Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng trắng vàng
Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
Quang hiệu 71,2lm/W (4700lm/66W), CRI: Ra85

10.300.000

HH-LAZ3006K88 (tắt an toàn)
(Khung viền bạc mạ crom)
HH-LAZ3005K88 (tắt an toàn)
(Khung viền trắng mạ crom)
Công suất 47,2W/ 0,22A/ AC220 - 240V
Kích thước Ø800mm/ Dày 159mm/ Trọng lượng 5,0Kg
Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
Khung viền vân khói mạ crom
Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường - đèn ngủ)
Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)
Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng trắng vàng.Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
Quang hiệu 74,2lm/W (3500lm/ 47,2W), CRI: Ra85

7.990.000

Tắt An Toàn

Khi tắt đèn, ánh sáng vẫn còn lại trong phòng khoảng 30 giây cho đến khi người sử dụng rời khỏi căn phòng.

Nhấn nút “Off”

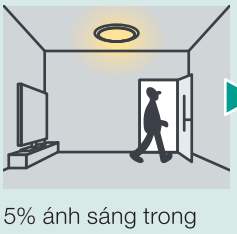

5% ánh sáng trong 30 giây

Tự động tắt sau 30 giây (Chủ động tắt bằng cách nhấn nút “Off một lần nữa)

ĐÈN TRẦN LED CỠ TRUNG - Tuổi thọ 40.000 giờ

Đèn trần LED loại trung, khung viền vân khói 19W
AC220-240V, Ø500mm/ H96mm/ 1,25 Kg, CRI: Ra85
HH-LA152319
(Ánh sáng vàng 2700K - 72,6lm/W) 1380lm/19W
HH-LA152519
(Ánh sáng trắng 6500K - 84,2lm/W) 1600lm/19W
2.790.000

Đèn trần LED loại trung, khung viền bạc 19W
AC220-240V, Ø500mm/ H96mm/ 1,25 Kg, CRI: Ra85
HH-LA152619
(Ánh sáng vàng 2700K - 72,6lm/W) 1380lm/19W
HH-LA152819
(Ánh sáng trắng 6500K - 84,2lm/W) 1600lm/19W
2.790.000

Đèn trần LED loại trung, khung viền crom 19W
AC220-240V, Ø470mm/ H96mm/ 1,35 Kg, CRI: Ra85
HH-LA152919
(Ánh sáng vàng 2700K - 72,6lm/W) 1380lm/19W
HH-LA153119
(Ánh sáng trắng 6500K - 84,2lm/W) 1600lm/19W
2.790.000

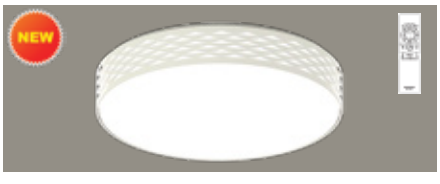

HH-LAZ172688
Đèn trần LED tròn (có remote)
Công suất: 19W/ 0.15A/ AC220 - 204V
Kích thước: Ø488mm x H96.2mm / 4.1kg
(Ánh sáng trắng 5000K - 1600lm - 84.2lm/W)
Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%)
4.250.000

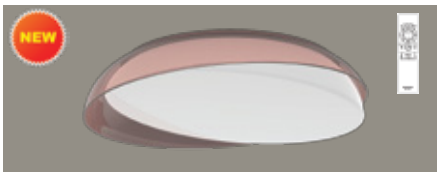

HH-LAZ175088
Đèn trần LED tròn (có remote)
Công suất: 21W/ 0.175A/ AC220 - 204V
Kích thước: Ø512mm x H108mm / 3.0kg
(Ánh sáng trắng 6500K / vàng 3000k - 1600lm - 76.2lm/W)
Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%)
4.850.000

HH-LAZ167088
Đèn trần LED tròn (có remote)
Công suất: 21W/ 0.175A/ AC220 - 204V
Kích thước: Ø607mm x H99mm / 5kg
(Ánh sáng trắng 6500K / vàng 3000k - 1600lm - 76.2lm/W)
Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%)
4.950.000

ĐÈN TRẦN LED CỠ NHỎ

Đèn trần LED cỡ nhỏ 15W - AC220 - 240V, Ø357mm/ H80mm
Chụp đèn nhựa acrylic, viền chỉ bạc
HH-LA100219 **1.990.000**
(Ánh sáng trắng 6500K - 66,7lm/W) 1000lm/15W
HH-LA100519 **1.990.000**
(Ánh sáng vàng 2700K - 56,6lm/W) 850lm/15W

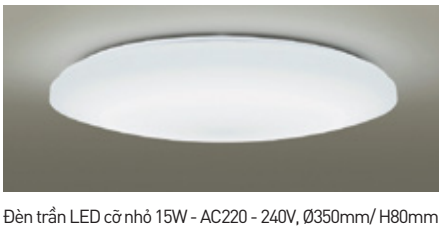

Đèn trần LED cỡ nhỏ 15W - AC220 - 240V, Ø350mm/ H80mm
Chụp đèn nhựa acrylic
HH-LA100119 **1.670.000**
(Ánh sáng trắng 6500K - 66,7lm/W) 1000lm/15W
HH-LA100419 **1.670.000**
(Ánh sáng vàng 2700K - 56,7lm/W) 850lm/15W

Đèn trần LED tròn cỡ nhỏ
HH-LA1038CC88
Công suất: 11W/ 0.1A/ AC220 - 240V
Kích thước: Ø317mm x H80mm / 1kg
(Ánh sáng trắng 6500K - 1000lm - 90.9lm/W)
1.510.000

ĐÈN TRẦN Kín nước led

HH-LA062088
Ánh sáng trắng 6500K. kín nước IP64. Tuổi thọ 20.000 giờ
Công suất: 9W/0,07A/ AC220-240V
Quang hiệu :76lm/W, CRI: Ra82 (680lm/9W)
Chụp đèn Acrylic màu trắng sữa, đế viền trắng.
Kích thước Ø270mm/H90 /0,9kg
1.040.000

HH-LA0619CC88
Đèn trần LED tròn kín nước IP64 . Tuổi thọ 20.000 giờ
Công suất: 8W/ 0.07A/ AC220 - 240V
(Ánh sáng trắng 6500K - 550lm - 68.8lm/W)
Kích thước: Ø258mm x H68.5mm / 0.73kg
1.150.000

ĐÈN TRẦN LED

Dạng tròn, trắng trơn, Tuổi thọ 25.000 giờ
NNP52600 **850.000**
Ánh sáng trắng 6500K - 82.31m/W,
CRI: Ra80(1127lm/15W), AC220-240V,
Ø300mm/H73/0.61kg
NNP52700
Ánh sáng trắng 6500K - 78.21m/W,
CRI: Ra80(1502lm/20W), AC220-240V,
Ø400mm/H73/0.61kg
1.090.000

ĐÈN TRANG TRÍ LED - Lắp tường và lắp trần, tuổi thọ 40.000 giờ, tương đương 60W sợi đốt

HH-LW6010419
(Ánh sáng trắng 6500K - 53.1 lm/W)
HH-LW6020419
(Ánh sáng vàng 2700K - 49.1 lm/W)
Công suất 5,5W
Đường kính 140mm/ Dày 95mm/ Nặng 0,5 Kg
Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic

865.000

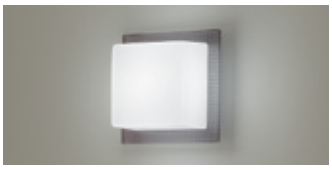

HH-LW6010519
(Ánh sáng trắng 6500K - 53.1 lm/W)
HH-LW6020519
(Ánh sáng vàng 2700K - 49.1 lm/W)
Công suất 5,5W
Đường kính 168mm/ Dày 96mm/ Nặng 0,6 Kg
Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic
Viền vuông xám khói

1.065.000

HH-LW6010619
(Ánh sáng trắng 6500K - 53.1 lm/W)
HH-LW6020619
(Ánh sáng vàng 2700K - 49.1 lm/W)
Công suất 5,5W
Đường kính 168mm/ Dày 96mm/ Nặng 0,6 Kg
Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic
Viền vuông trong suốt

1.065.000

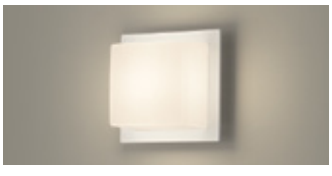

HH-LW6010719
(Ánh sáng trắng 6500K - 53.1 lm/W)
HH-LW6020719
(Ánh sáng vàng 2700K - 49.1 lm/W)
Công suất 5,5W
Đường kính 168mm/ Dày 96mm/ Nặng 0,6 Kg
Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic
Viền vuông trắng nhám

1.065.000

ĐÈN TREO BÀN ĂN - Sử dụng bóng E27

- Giá không bao gồm bóng

HH-LM101988
Công suất: sử dụng bóng E27 (Max 11W)
AC200 - 240V - Tuổi thọ: 15.000 giờ
Kích thước: D275mm x H255mm / 2.5kg
Tầm treo 400 - 1960mm/ chụp ngoài bằng thủy tinh trắng

2.570.000

HH-LM101888
Công suất: sử dụng bóng E27 (Max 11W)
AC200 - 240V - Tuổi thọ: 15.000 giờ
Kích thước: D480mm x H290mm / 3.1kg
Tầm treo 400 - 1960mm/ chụp ngoài bằng nhựa trắng

3.980.000

ĐÈN TREO BÀN ĂN LED - Tuổi thọ 40.000 giờ

HH-LB1090388
Công suất 17W/ 0,137A/ AC 220 - 240V
Đèn LED ánh sáng vàng 3000K/1000lm/58.8lm/W
D140mm x H30mm x 3pcs/ W600mm / 3.1kg
Tầm treo 1100mm - 1300mm
Dây treo nhựa trắng

5.090.000

HH-LB1090588
Công suất 17W/ 0,137A/ AC 220 - 240V
Đèn LED ánh sáng vàng 3000K - 1000lm - 58.8lm/W
D140mm x H30mm x 3pcs/ W600mm / 3.1kg
Tầm treo 1108mm - 1300mm
Dây treo nhựa đỏ

5.090.000

HH-LB1050288
Công suất 8W/ 0,13A/ AC 220 - 240V
Đèn LED ánh sáng vàng 2700K/56lm/W
Đường kính Ø500mm/ Cao 110mm/ Nặng 2,5Kg
Tầm treo 1300mm/ chụp ngoài bằng kim loại, chụp trong nhựa trắng sữa

4.310.000

HH-LB1050188
Công suất 8W/ 0,13A/ AC 220 - 240V
Đèn LED ánh sáng vàng 2700K/56lm/W
Đường kính Ø500mm/ Cao 110mm/ Nặng 2,5Kg
Tầm treo 1300mm/ chụp ngoài bằng kim loại, chụp trong nhựa trắng sữa

4.310.000

HH-LB3100188
Công suất 18,6W/ 0,95A/ AC 220 - 240V
Đèn LED ánh sáng vàng 2700K/48,4lm/W/ W700
Đường kính Ø120mm/ Cao 141mm/ Nặng 2,5Kg
Tầm treo 1300mm, nắp bảo vệ chip LED bằng thủy tinh

6.990.000

ĐÈN TRANG TRÍ

Sử dụng bóng E27 - Giá không bao gồm bóng

HH-LM800388
Đèn chùm 8 nhánh
Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max 11W)/ AC 220 - 240V
Kích thước: D808mm x H480mm / 12.45kg
Khung sườn chất liệu kim loại bạc, chóa đèn bằng sứ

13.750.000

HH-LM500388
Đèn chùm 5 nhánh
Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max 11W)/ AC 220 - 240V
Kích thước: D625mm x H465mm / 8.95kg
(Ánh sáng trắng 65000K / vàng 3000k - 5000lm - 73.5lm/W)
Khung sườn chất liệu kim loại bạc, chóa đèn bằng sứ

8.550.000

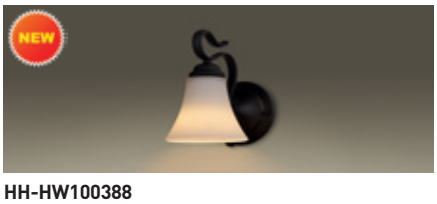

HH-HW100388
Đèn treo tường khung đen
Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max 11W)/ AC 220 - 240V
Kích thước: D160mm x H240mm / 1.58kg
Khung sườn chất liệu kim loại đen, chóa đèn bằng sứ

1.720.000

HH-LM100388
Đèn treo tường khung bạc
Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max 11W)/ AC 220 - 240V
Kích thước: D134mm x H226mm / 1.95kg
Khung sườn chất liệu kim loại bạc, chóa đèn bằng sứ

1.420.000

DOWNLIGHT LED ĐIỀU CHỈNH GÓC CHIẾU

Góc chiếu 24⁰ - Tuổi thọ 30.000 giờ
Công suất 7W - 220V, Ø75/H32

NNP21101
465lm - ánh sáng vàng 2700K
NNP21102
465lm - ánh sáng trắng 6500K

575.000

Downlight LED Tròn -CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25.000 giờ

Công suất 5W-220V, Ø95mm/H55
ADL11R053 - 300lm - Ánh sáng vàng 3000K
ADL11R057 - 360lm - Ánh sáng trắng 6500K — 200.000

Công suất 10W-220V, Ø95mm/H55
ADL11R103 - 560lm - Ánh sáng vàng 3000K — 299.000

Công suất 15W-220V, Ø176mm/H70
ADL11R153 - 1000lm - Ánh sáng vàng 3000K
ADL11R157 - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K — 340.000

Công suất 20W-220V, Ø200mm/H70
ADL11R203 - 1400lm - Ánh sáng vàng 3000K
ADL11R207 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6500K — 380.000

LED DOWNLIGHT - 40.000 giờ

Downlight công suất lớn - CRI: Ra80
Công suất lớn 15W, Ø150
HH - LD4090119 - 1.040lm - Ánh sáng vàng 2.700K
HH - LD2090119 - 1.090lm - Ánh sáng trắng 6.500K

1.200.000

LED DOWNLIGHT PANEL TRÒN - 20.000 giờ

Thời gian dự kiến có hàng: tháng 12/2017

Công suất 6W-220V, Ø105mm/H21mm
NNP712563 - 360lm - Ánh sáng vàng 3000k
NNP712663 - 360lm - Ánh sáng trắng 6500k — 185.000

Công suất 8W-220V, Ø105mm/H21mm
NNP722563 - 500lm - Ánh sáng vàng 3000k
NNP722663 - 500lm - Ánh sáng trắng 6500k — 210.000

Công suất 12W-220V, Ø155mm/H21mm
NNP735563 - 850lm - Ánh sáng vàng 3000k
NNP735663 - 850lm - Ánh sáng trắng 6500k — 285.000

Công suất 15W-220V, Ø170mm/H21mm
NNP745563 - 1080lm - Ánh sáng vàng 3000k
NNP745663 - 1080lm - Ánh sáng trắng 6500k — 370.000

Downlight LED Panel Đổi Màu-CRI: Ra70 - Tuổi thọ 30.000 giờ
Lắp tối đa 4 đèn trên 1 công tắc (line đèn)
Downlight LED Panel đổi màu 7W-220V

APA04R070 - Dạng vuông
Ø105mm/H28 - 485lm/515lm/525lm
Đổi màu ánh sáng 3000-4000-6000K — 460.000
Downlight Led Panel đổi màu 15W-220V

APA04R150 - Dạng vuông
Ø150mm/H28 - 1035lm/1100lm/1125lm
Đổi màu ánh sáng 3000-4000-6000K — 730.000

Downlight LED Vuông -CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25.000 giờ

Công suất 5W-220V, Ø95mm/H55
ADL12R053 - 300lm - Ánh sáng vàng 3000K
ADL12R057 - 360lm - Ánh sáng trắng 6500K — 200.000

Công suất 10W-220V, Ø95mm/H55
ADL12R103 - 560lm - Ánh sáng vàng 3000K
ADL12R107 - 650lm - Ánh sáng trắng 6500K — 260.000

Công suất 15W-220V, Ø176mm/H70
ADL12R153 - 1000lm - Ánh sáng vàng 3000K
ADL12R157 - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K — 340.000

Công suất 20W-220V, Ø200mm/H70
ADL12R203 - 1400lm - Ánh sáng vàng 3000K
ADL12R207 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6500K — 380.000

LED DOWNLIGHT GLOBAL SERIES

Downlight LED tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15.000 giờ

Công suất 5W - 220V, Ø95mm/H68
NNP71249 - 400lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP71259 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K — 205.000

Công suất 8W - 220V, Ø95mm/H68
NNP72249 - 640lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP72259 - 720lm - Ánh sáng trắng 6500K — 235.000

Công suất 12W - 220V, Ø125mm/H78
NNP73349 - 960lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP73359 - 1080lm - Ánh sáng trắng 6500K — 320.000

DOWNLIGHT ALPHA SERIES, CHÓA NHÔM

Công suất 5,5W - 220V, Ø100/H80, CRI: Ra80
NNP712731 - 415lm - Ánh sáng vàng 2.700K
NNP712631 - 435lm - Ánh sáng trắng 6.500K — 540.000

Công suất 8,5W - 220V, Ø100/H80, CRI: Ra80
NNP722731 - 705lm - Ánh sáng vàng 2.700K
NNP722631 - 735lm - Ánh sáng trắng 6.500K — 699.000

LED DOWNLIGHT ONE-CORE - Sử dụng công nghệ 1 lõi LED, tiết kiệm điện, 40.000 giờ

Downlight thường góc chiếu 100⁰ - CRI: Ra80
Công suất 5,5W - 220V, Ø100/ H80
HH-LD40501K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2.700K
HH-LD20501K19 - 393lm - Ánh sáng trắng 6.500K — 540.000

Công suất 8,6W - 220V , Ø100/ H80
HH - LD40701K19 - 550lm - Ánh sáng vàng 2.700K
HH - LD20701K19 - 622lm - Ánh sáng trắng 6.500K — 699.000

Downlight LED góc chiếu hẹp (Góc chiếu 24⁰) - **CRI: Ra80**
Công suất 5,5W - 220V, Ø100/ H80
HH - LD70501K19 - 310lm - Ánh sáng vàng 2.700K
HH - LD50501K19 - 325lm - Ánh sáng trắng 6.500K — 760.000

Công suất 8,6W - 220V, Ø100/ H80
HH - LD70701K19 - 510lm - Ánh sáng vàng 2.700K
HH - LD50701K19 - 540lm - Ánh sáng trắng 6.500K — 950.000

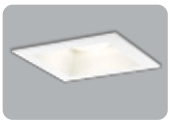

Down Light LED vuông - CRI: Ra80
Công suất 5.5W - 220V, Ø100/ H80
HH - LD40507K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2.700K
HH - LD20507K19 - 364lm - Ánh sáng trắng 6.500K — 830.000

Công suất 8.6W - 220V, Ø100/ H80
HH - LD40707K19 - 550lm - Ánh sáng vàng 2.700K
HH - LD20707K19 - 585lm - Ánh sáng trắng 6.500K — 999.000

Down Light LED chống ẩm - IP43 - CRI: Ra80
Công suất 5,5W - 220V, Ø100/ H80
HH - LD40508K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2.700K
HH - LD20508K19 - 364lm - Ánh sáng trắng 6.500K — 760.000

Công suất 8,6W - 220V, Ø100/ H80
HH - LD40708K19 - 550lm - Ánh sáng vàng 2.700K
HH - LD20708K19 - 585lm - Ánh sáng trắng 6.500K — 960.000

ĐÈN TRANG TRÍ NGOÀI TRỜI LED - IP54 NEW

NBL2891 - Đèn gắn tường ngoài trời LED
158lm - Ánh sáng vàng 3000K
Công suất 5W
Dài 82mm x cao 82mm x rộng 59mm
Chất liệu : nhôm

715.000

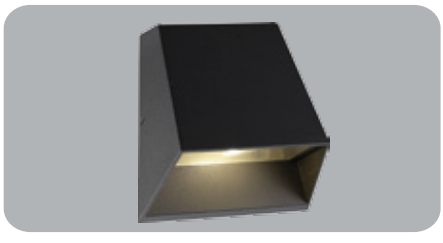

NBL2691 - Đèn gắn tường ngoài trời LED
389lm- Ánh sáng vàng 3000K
Công suất 7W
Dài 63mm x cao 125mm x rộng 125mm
Chất liệu : nhôm

875.000

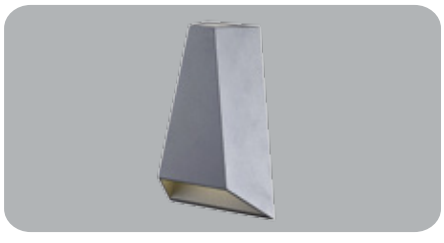

NBL2553 - Đèn gắn tường ngoài trời LED
160lm - Ánh sáng vàng 3000K
Công suất 9W
Dài 109mm x cao 173mm x rộng 63mm
Chất liệu : nhôm

955.000

NBL2721 - Đèn gắn tường ngoài trời LED
448lm - Ánh sáng vàng 3000K
Công suất 7W
Dài 220mm x cao 55mm x rộng 130mm
Chất liệu : nhôm

1.315.000

NBL5705 - Đèn gắn tường ngoài trời LED
662lm- Ánh sáng vàng 3000K
Công suất 17.6W
Dài 110mm x cao 250mm x rộng 103mm
Chất liệu : nhôm

1.195.000

NBB1466- Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng
Ánh sáng vàng 3000K
Dùng bóng đuôi E27, Max 15W
Dài 140mm x cao 290mm x rộng 160mm
Chất liệu : nhôm và thủy tinh
Giá không bao gồm bóng

1.255.000

NBL1463 - Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng
Ánh sáng vàng 3000K
Dùng bóng đuôi E27, Max 15W
Dài 140mm x cao 350mm x rộng 140mm
Chất liệu : nhôm và thủy tinh
Giá không bao gồm bóng

1.435.000

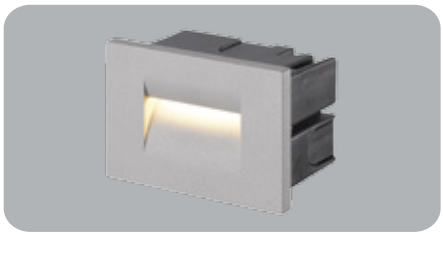

NSL1121A- Đèn LED gắn âm tường chiếu chân
67lm - Ánh sáng vàng 3000K
Công suất 3.6W
Dài 125mm x cao 125mm x rộng 140mm
Kích thước lỗ khoét: 100x65x57mm
Chất liệu : nhôm

775.000

NGL8434 - Đèn sân vườn LED
461lm - Ánh sáng vàng 3000K
Công suất 14.62W
Dài 148mm x cao 650mm x rộng 108mm
Chất liệu : nhôm

1.735.000

ĐÈN TRANG TRÍ NGOÀI TRỜI LED NEW

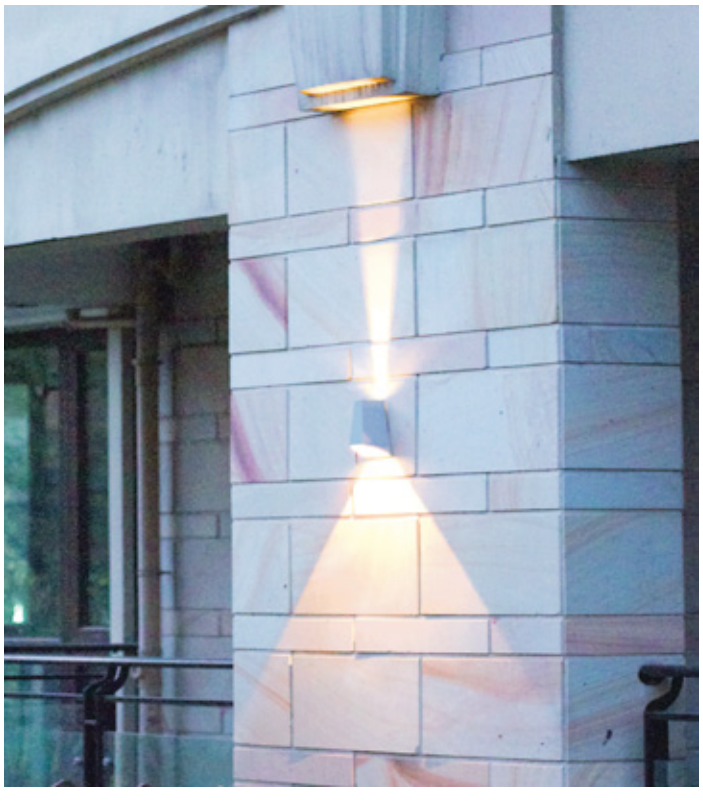

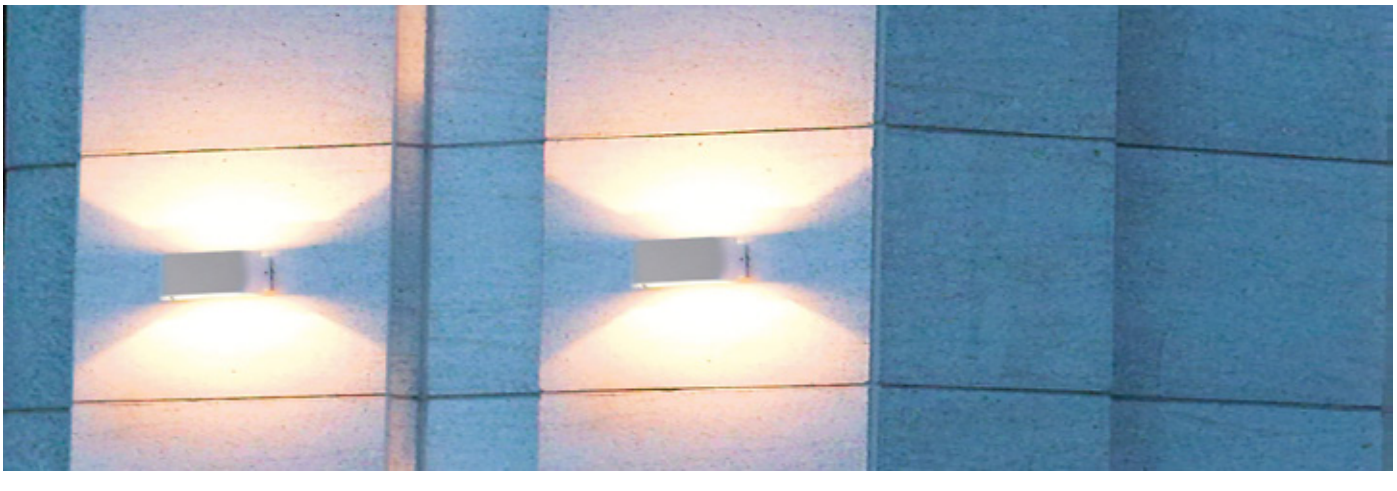

LED DOWNLIGHT NEW

Đèn LED Downlight-CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25.000 giờ

Công suất 5W - 220V
Kích thước: Ø68mm/H:57.5mm
NDL053 - 430lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL054 - 460lm - Ánh sáng trung tính 4000k
NDL056 - 460lm - Ánh sáng trắng 6500K

130.000

Công suất 8W - 220V
Kích thước: Ø90mm/H:58.6mm
NDL083 - 730lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL084 - 780lm - Ánh sáng trung tính 4000k
NDL086 - 780lm - Ánh sáng trắng 6500K

155.000

Công suất 12W - 220V
Kích thước: Ø120mm/H:65.8mm
NDL123 - 1120lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL124 - 1200lm - Ánh sáng trung tính 4000k
NDL126 - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K

210.000

Công suất 14W - 220V
Kích thước: Ø120mm/H:65.8mm
NDL143 - 1300lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL144 - 1400lm - Ánh sáng trung tính 4000k
NDL146 - 1400lm - Ánh sáng trắng 6500K

220.000

Đèn LED Downlight siêu mỏng CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25.000 giờ

Công suất 6W - 220V
Kích thước: Ø110mm/H:30mm
NSD063 - 420lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD064 - 420lm - Ánh sáng trung tính 4000k
NSD066 - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K

115.000

Công suất 9W - 220V
Kích thước: Ø135mm/H:30mm
NSD093 - 640lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD094 - 640lm - Ánh sáng trung tính 4000k
NSD096 - 640lm - Ánh sáng trắng 6500K

135.000

Công suất 12W - 220V
Kích thước: Ø160mm/H:30mm
NSD123 - 840lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD124 - 840lm - Ánh sáng trung tính 4000k
NSD126 - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K

185.000

Đèn LED Downlight đổi màu siêu mỏng CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25.000 giờ

NSD09C
Công suất 9W - 220V
Kích thước: Ø135mm/H:30mm
540lm - 640lm
Đổi màu ánh sáng 3000k - 4000k - 6500k

230.000

NSD12C
Công suất 12W - 220V
Kích thước: Ø160mm/H:30mm
720lm - 840lm
Đổi màu ánh sáng 3000k - 4000k - 6500k

295.000

ĐÈN NHÀ XƯỞNG - IP 65 NEW

NHB0906
10,800lm - Ánh sáng trung tính 5000K
Công suất 90W
PF 0.9
Đường kính 340mm x Cao 112mm
Trọng lượng: 9kg

4.200.000

NHB1206
14,400lm- Ánh sáng trung tính 5000K
Công suất 120W
PF 0.9
Đường kính 340mm x Cao 112mm
Trọng lượng: 9kg

4.650.000

ĐÈN LED T8 - Tuổi thọ 15.000 giờ NEW

Bóng LED Tube T8
Công suất 9W - 220V
NT8T093
800lm / dài 0.6m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T096
800lm / dài 0.6m - Ánh sáng trắng 6500K

57.000

Máng siêu mỏng LED Tube T8
Công suất 9W - 220V
NT8F09
dài 0.6m
Không bao gồm bóng

49.000

Bóng LED Tube T8
Công suất 18W - 220V
NT8T183
1600lm / dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T186
1600lm / dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K

84.000

Máng siêu mỏng LED Tube T8
Công suất 18W - 220V
NT8F18
dài 1.2m
Không bao gồm bóng

64.000

nanoco BĂNG KEO ĐIỆN

Băng keo cách điện PVC
PVC insulating tape

Xuất xứ: Taiwan

FKPT10	10YDS	60.000/cây
FKPT20	20YDS	107.000/cây

Đóng gói 10 cuộn/ cây, 200 cuộn/ thùng

Băng keo cách điện PVC
PVC insulating tape

Xuất xứ: PRC

FKPC9 (NEW)	9YDS	44.000/cây
FKPC10	10YDS	49.000/cây
FKPC18 (NEW)	18YDS	85.000/cây
FKPC20	20YDS	94.000/cây

Đóng gói 10 cuộn/ cây, 200 cuộn/ thùng

BK W Y R G B

nanoco MÁNG ĐÈN BATTEN - Không kèm bóng

Máng đèn Batten đơn 1,2m
NLA41M 1227 x 55 x 80mm
Đóng gói 8 cái/ thùng

195.000

Máng đèn Batten đôi 1,2m
NLA42M 1227 x 100 x 85mm
Đóng gói 8 cái/ thùng

295.000

nanoco BÓNG ĐÈN HUỲNH QUANG T5

F14T5-V (Ánh sáng vàng 2700K)
Công suất 14W/ 220-240V
Đường kính 16mm/ Dài 563mm

F14T5-T (Ánh sáng trắng 6500K)
Công suất 14W/ 220-240V
Đường kính 16mm/ Dài 563mm

36.000

F28T5-V (Ánh sáng vàng 2700K)
Công suất 28W/ 220-240V
Đường kính 16mm/ Dài 1163mm

49.000

nanoco MÁNG ĐÈN CHỐNG THẤM - IP65

SỬ DỤNG BALLAST ĐIỆN TỬ * Đã bao gồm ballast

FS7136CE Loại 1 bóng 1,2m (1 x 36W)
1270 x 98 x 102mm
Đóng gói 1 cái/ hộp, 6 cái/ thùng — 530.000

FS7236CE Loại 2 bóng 1,2m (2 x 36W)
1270 x 155 x 102mm
Đóng gói 1 cái/ hộp, 4 cái/ thùng — 770.000

FS7118CE Loại 1 bóng 0,6m (1 x 18W)
665 x 98 x 102mm
Đóng gói 1 cái/ hộp, 10 cái/ thùng — 370.000

FS7218CE Loại 2 bóng 0,6m (2 x 18W)
665 x 155 x 102mm
Đóng gói 1 cái/ hộp, 8 cái/ thùng — 530.000

Nano® MÁNG ĐÈN SIÊU MỎNG - Không kèm bóng

Máng đèn đôi 1,2m

Máng đèn đơn 0,6m

Máng đèn đơn 1,2m

FLB-420BB/00/WW — 335.000
Sử dụng ballast FSM36-1
Đóng gói 10 cái/ thùng

FLC-420B — 240.000
Sử dụng ballast FSM36-2
Đóng gói 10 cái/ thùng

FLD-420B — 240.000
Sử dụng ballast điện tử
Đóng gói 10 cái/ thùng

FLB-210B/0/W — 170.000
Sử dụng ballast FSM18-1
Đóng gói 10 cái/ thùng

FLC-210B — 135.000
Sử dụng ballast FSM18-2
Đóng gói 10 cái/ thùng

FLD-210B — 135.000
Sử dụng ballast điện tử
Đóng gói 10 cái/ thùng

FLB-410B/0/W — 195.000
Sử dụng ballast FSM36-1
Đóng gói 10 cái/ thùng

FLC-410B — 155.000
Sử dụng ballast FSM36-2
Đóng gói 10 cái/ thùng

FLD-410B — 155.000
Sử dụng ballast điện tử
Đóng gói 10 cái/ thùng

MẶT VÀ ĐAI SẮT DÙNG CHO HB, BJJ

FS80
Đai sắt dùng cho HB
Frame for HB
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
15.500

FHB9801
Hộp nổi dùng cho HB
Mounting surface plate for HB
Đóng gói 20 cái/ hộp,100 cái/ cây
8.000

FB500
Hộp cho cầu dao tổng và cầu dao chống dòng rò
Distribution Panel for HB, BJJ, BJS, MCCB
(180 x 110 x 50)
Đóng gói 1 cái/ hộp, 10 cái/ bộ
125.000

FBD401
Hộp phân phối 4 nhánh cho cầu dao tép
Distribution Panel for MCD
(180 x 110 x 50)
Đóng gói 10 cái/ hộp
125.000

NCS7001
Công tắc thẻ
Card Switch -20A - 250V
Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng.
800.000

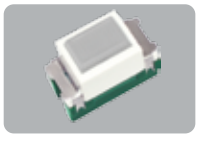

FXF302WW - Nano - Full (Đóng gói 10 cái/ hộp, 180 cái/ thùng)
FXW302W - Wide (Đóng gói10 cái/ hộp, 160 cái/ thùng)
Đèn báo màu trắng
Pilot lamp, white 220VAC
18.000

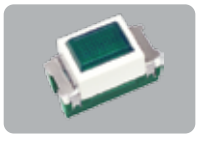

FXF302GW - Nano - Full (Đóng gói 10 cái/ hộp, 180 cái/ thùng)
FXW302G - Wide (Đóng gói 10 cái/ hộp, 160 cái/ thùng)
Đèn báo màu xanh
Pilot lamp, green 220VAC
18.000

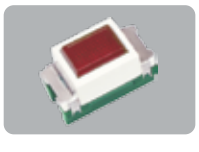

FXF302RW - Nano - Full (Đóng gói 10 cái/ hộp, 180 cái/ thùng)
FXW302R - Wide (Đóng gói 10 cái/ hộp, 160 cái/ thùng)
Đèn báo màu đỏ
Pilot lamp, red 220VAC
18.000

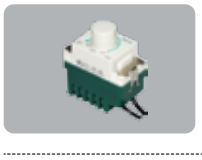

FDF603FW / FDL603FW - Full
FDF603W / FDL603W - Wide
Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt/ độ sáng đèn
Dimmer for fan/ lamp
220VAC - 700W
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
63.500

FDL903FW - Full
FDL903W - Wide
Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn
Dimmer for incandescent lamp
220VAC - 1000W
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
70.000

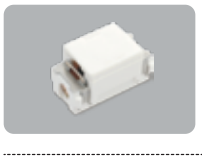

FF101FW - Full
FF101W - Wide
Cầu chì - Fuse
220VAC - 10A
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
16.800

PHÍCH CẮM MEIKOSHA

ME2592W
Phích cắm 3 chấu
Grounding plug
125V - 15A
Đóng gói 10 cái/ hộp
87.000

TỦ ĐIỆN

FDP102 Tủ điện vỏ kim loại chứa 2 module
FDP103 Tủ điện vỏ kim loại chứa 3 module
FDP104 Tủ điện vỏ kim loại chứa 4 module
(200 x 125 x 67)
145.000

FDP106
Tủ điện vỏ kim loại chứa 6 module
(200 x 200 x 67)
220.000

FDP109
Tủ điện vỏ kim loại chứa 9 module
(200 x 270 x 67)
300.000

FDP113
Tủ điện vỏ kim loại chứa 13 module
(200 x 338 x 67)
380.000

FDP118
Tủ điện vỏ kim loại chứa 18 module
(388 x 290 x 67)
655.000

FDP124
Tủ điện vỏ kim loại chứa 24 module
(410 x 327 x 67)
880.000

FDP126
Tủ điện vỏ kim loại chứa 26 module
(381 x 340 x 67)
1.050.000

FBD601
Hộp phân phối 4 - 6 nhánh cho cầu dao tép
Distribution panel for MCD
(160 x 200 x 65)
260.000

FBD801
Hộp phân phối 8 - 12 nhánh cho cầu dao tép
(160 x 295 x 65)
440.000

FB7842H
Mặt góc vuông dùng cho 1 CB (Aptomat) & 2 thiết bị
2 gangs - plate for 1 HB & 2 devices
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

30.000

FB7843H
Mặt góc vuông dùng cho 1 CB (Aptomat) & 3 thiết bị
2 gangs - plate for 1 HB & 3 devices
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

30.000

FBD101W
Mặt dùng cho 1 CB tép
Plate for 1p MCB
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

15.500

NPA10050V (Đóng gói 30 cái/thùng)
Hộp nối dây 100x100x50
Wiring box 100x100x50

20.000

NPA12050V (Đóng gói 30 cái/thùng)
Hộp nối dây 120x120x50
Wiring box 120x120x50

24.000

NPA15050V / FPCA106
Hộp nối dây 150x150x50
Wiring box 150x150x50
Đóng gói 20 cái/ thùng

35.000

NPA20065V (Đóng gói 10 cái/thùng)
Hộp nối dây 200 x 200 x 65
Wiring box 200 x 200 x 65

62.000

NPA103V / FPCA103
Hộp nối dây tròn
Round junction box
Đóng gói 60 cái/ thùng

10.000

NPCA101 (Có vít)
Hộp âm nhựa trắng, đơn
Wiring box - 1 gang / Đóng gói 100 cái/ thùng

6.200

FBD200 / NDB200
Hộp âm cho CB tép
Wiring box for MCB
Đóng gói 20 cái/ hộp, 100 cái/ cây

21.000

NA105
Đế âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
Wiring box - BS Standard
Đóng gói 100 cái/ thùng

6.000

NA105-N
Nắp đế âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
Wiring box - BS Standard
Đóng gói 100 cái/ thùng

3.000

NA102 / FPCA102 (Đóng gói 60 cái/ thùng)
Hộp âm đôi
Wiring box - 2 gang

NPCA104 (Không vít) (Đóng gói 50 cái/ thùng)
Hộp âm đôi dùng 2 mặt đơn
(Wiring box - 131x106x42.5)

14.000

FN101M
Hộp nổi đơn
Surface box
Đóng gói 100 cái/ thùng

10.500

FN102M
Hộp nổi đôi
Duplex surface box
Đóng gói 60 cái/ thùng

16.000

FN101RM
Hộp nổi đơn
(Dùng cho loại mặt có thiết kế bo tròn)
Surface box
Đóng gói 20 cái/ hộp, 100 cái/cây

10.000

FN102RM
Hộp nổi đôi
(Dùng cho loại mặt có thiết kế bo tròn)
Duplex surface box
Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/cây

15.000

WB9601CW
Nắp đậy dùng cho hộp âm nhựa (có kèm vít)
Wiring box lid - 1 gang
Đóng gói 10 cái/ hộp, 500 cái/ thùng

6.000

WB9602CW
Nắp đậy dùng cho hộp âm nhựa (có kèm vít)
Wiring box lid - 2 gangs
Đóng gói 10 cái/ hộp, 400 cái/ thùng

8.000

FT901W
Mặt kín đôi
Double cover plate (white)
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

30.000

ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN VÀ PHỤ KIỆN PVC
PVC FLEXIBLE CONDUIT AND FITTING

Công nghệ Italia TCVN7417-1:2010 IEC61386_1: 2008
Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BSEN61386 - 21: 2004 (IEC6138 - 1: 2002

Ống luồn dây điện dạng thẳng

Mã số	Đường kính Ø (mm)	Độ dày (mm)	
FPC16L	Ống luồn dây điện, Ø16, dài 2,92m, 320N, đóng gói 50 ống/bó	0.9 + -0.1	17.000
FPC20L	Ống luồn dây điện, Ø20, dài 2,92m, 320N, đóng gói 50 ống/bó	1,1 + -0,1	22.000
FPC25L	Ống luồn dây điện, Ø25, dài 2,92m, 320N, đóng gói 25 ống/bó	1,3 + -0,1	33.500
FPC32L	Ống luồn dây điện, Ø32, dài 2,92m, 320N, đóng gói 20 ống/bó	1,6 + -0,1	52.000
FPC16	Ống luồn dây điện, Ø16, dài 2,92m, 750N, đóng gói 50 ống/ bó	1,4 + -0,1	19.000
FPC20	Ống luồn dây điện, Ø20, dài 2,92m, 750N, đóng gói 50 ống/ bó	1,45 + -0,1	25.000
FPC25	Ống luồn dây điện, Ø25, dài 2,92m, 750N, đóng gói 25 ống/ bó	1,6 + -0,1	37.000
FPC32	Ống luồn dây điện, Ø32, dài 2,92m, 750N, đóng gói 20 ống/ bó	1,9 + -0,1	59.000
FPC16H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø16, 2,92m, 1250N, đóng gói 50 ống/ bó	1,6 + -0,1	25.000
FPC20H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø20, 2,92m, 1250N, đóng gói 50 ống/ bó	1,9 + -0,1	33.000
FPC25H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø25, 2,92m, 1250N, đóng gói 25 ống/ bó	2,0 + -0,1	47.000
FPC32H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø32, 2,92m, 1250N, đóng gói 20 ống/ bó	2,2 + -0,1	95.000
FPC40H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø40, 2,92m, 1250N, đóng gói 10 ống/ bó	2,4 + -0,1	125.000
FPC50H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø50, 2,92m, 1250N, đóng gói 10 ống/ bó	2,7 + -0,1	165.000

Khớp nối trơn

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0116	Khớp nối trơn Ø16, đóng gói 100 cái/ bao 2000 cái/thùng	800
NPA0120	Khớp nối trơn Ø20, đóng gói 200 cái/ thùng	1.100
NPA0125	Khớp nối trơn Ø25, đóng gói 100 cái/ thùng	1.800
NPA0132	Khớp nối trơn Ø32, đóng gói 25 cái/ bao 250 cái/ thùng	3.300
FPA0140	Khớp nối trơn Ø40, đóng gói 20 cái/ bao	6.600
FPA0150	Khớp nối trơn Ø50, đóng gói 20 cái/ bao	8.800

Đầu và khớp nối ren

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA02162	Đầu và khớp nối răng Ø16, Đóng gói 100 cái/ bao, 1200 cái/ thùng	2.500
NPA02202	Đầu và khớp nối răng Ø20 Đóng gói 100 cái/ bao, 1000 cái/ thùng	2.800
NPA02252	Đầu và khớp nối răng Ø25 Đóng gói 50 cái/ bao, 500 cái/ thùng	3.100
NPA02322	Đầu và khớp nối răng Ø32 Đóng gói 25 cái/ bao, 250 cái/ thùng	5.000

Ống luồn dây điện dạng xoắn

"Ống luồn dây PVC chống cháy, chống dập
PVC flexible resist fire - resist broken"

FRG16W	16mm (50m/cuộn)	140.000
FRG20W	20mm (50m/cuộn)	180.000
FRG25WS	25mm (40m/cuộn)	200.000
FRG32WH	32mm (25m/cuộn)	250.000

FRG16G	16mm (50m/cuộn)	180.000
FRG20G	20mm (50m/cuộn)	240.000
FRG25GS	25mm (40m/cuộn)	265.000
FRG32GH	32mm (25m/cuộn)	260.000

Nắp đậy hộp nối tròn

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA2620	Nắp đậy hộp nối tròn, vít Đóng gói 50 cái/ bao, 1500 cái/ thùng	1.700

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA2720F	Nắp đậy hộp nối tròn dùng chung với ống mềm PVC, Ø20 Đóng gói 20 cái/ bao, 400 cái/ thùng	3.300

Đầu giảm

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA2016	Đầu giảm 20 - 16 đóng gói 100 cái/ bao	1.100
FPA2520	Đầu giảm 25 - 20 đóng gói 100 cái/ bao	1.900
FPA3225	Đầu giảm 32 - 25 đóng gói 50 cái/ bao	3.200
FPA4032	Đầu giảm 40 - 32 đóng gói 40 cái/ bao	6.600
FPA5040	Đầu giảm 50 - 40 đóng gói 30 cái/ bao	8.800

T nối có nắp

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0420C	T nối có nắp Ø20 Đóng gói 25 cái/ bao	6.600
FPA0425C	T nối có nắp Ø25 Đóng gói 10 cái/ bao	9.900
FPA0432C	T nối có nắp Ø32 Đóng gói 10 cái/ bao	13.500

Co nối có nắp

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0320C	Co có nắp Ø20 Đóng gói 50 cái/ bao	4.400
FPA0325C	Co có nắp Ø25 Đóng gói 40 cái/ bao	7.200
FPA0332C	Co có nắp Ø32 Đóng gói 20 cái/ bao	11.000

Đầu nối ống mềm PVC

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC Ø16, Đóng gói 100 cái/ thùng	9.000
FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC Ø20 Đóng gói 100 cái/ thùng	13.000
FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC Ø25 Đóng gói 50 cái/ thùng	18.000
FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC Ø32 Đóng gói 50 cái/ thùng	27.000

Kẹp đỡ ống

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA1616	Kẹp giữ ống Ø16, Đóng gói 100 cái/ bao, 3000 cái/ thùng	900
NPA1620	Kẹp giữ ống Ø20, Đóng gói 100 cái/ bao, 3000 cái/ thùng	1.100
NPA1625	Kẹp giữ ống Ø25, Đóng gói 100 cái/ bao, 2000 cái/ thùng	1.900
NPA1632	Kẹp giữ ống Ø32, Đóng gói 100 cái/ bao, 1000 cái/ thùng	2.800
FPA1640	Kẹp giữ ống Ø40 Đóng gói 50 cái/ bao	3.900

Lò xo uốn ống

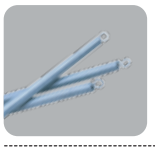

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016M	Lò xo uốn ống Ø16 - 750N	33.000
FLXU020M	Lò xo uốn ống Ø20 - 750N	57.000
FLXU025M	Lò xo uốn ống Ø25 - 750N	64.000
FLXU032M	Lò xo uốn ống Ø32 - 750N	94.000

Lò xo uốn ống

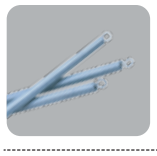

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016L	Lò xo uốn ống Ø16 - 320N	33.000
FLXU020L	Lò xo uốn ống Ø20 - 320N	57.000
FLXU025L	Lò xo uốn ống Ø25 - 320N	64.000
FLXU032L	Lò xo uốn ống Ø32 - 320N	94.000

T nối

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0416	T nối cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao - 1000 cái/ thùng	1.900
NPA0420	T nối cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao - 400 cái/ bao	3.700
NPA0425	T nối cho ống Ø25 Đóng gói 25 cái/bao - 250 cái/ bao	5.500
NPA0432	T nối cho ống Ø32 Đóng gói 15 cái/bao - 150 cái/ bao	7.700
FPA0440	T nối cho ống Ø40, đóng gói 10 cái/ bao	10.000
FPA0450	T nối cho ống Ø50, đóng gói 10 cái/ bao	12.000

Co nối

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0316	Co cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao - 1.500 cái/ thùng	1.400
NPA0320	Co cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao - 700 cái/ bao	2.200
NPA0325	Co cho ống Ø25 Đóng gói 40 cái/bao - 400 cái/ bao	3.300
NPA0332	Co cho ống Ø32 Đóng gói 20 cái/bao - 200 cái/ bao	5.500
FPA0340	Co cho ống Ø40 Đóng gói 20 cái/ bao	8.800
FPA0350	Co cho ống Ø50 Đóng gói 15 cái/ bao	11.600

Hộp nối 1 ngã - Đóng gói 60 cái / thùng

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã Ø16	6.600
NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã Ø20	7.200
NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã Ø25	7.700
NPA65321	Hộp nối tròn 1 ngã Ø32	10.000

Hộp nối 2 ngã thẳng - Đóng gói 60 cái / thùng

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø16	6.600
NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø20	7.200
NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø25	7.700
NPA66321	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø32	10.000

Hộp nối 2 ngã vuông - Đóng gói 60 cái / thùng

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø16	6.600
NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø20	7.200
NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø25	7.700
NPA69321	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø32	10.000

Hộp nối 3 ngã - Đóng gói 60 cái / thùng

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA67161	Hộp nối tròn 3 ngã Ø16	6.600
NPA67201	Hộp nối tròn 3 ngã Ø20	7.200
NPA67251	Hộp nối tròn 3 ngã Ø25	7.700
NPA67321	Hộp nối tròn 3 ngã Ø32	10.000

Hộp nối 4 ngã - Đóng gói 60 cái / thùng

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã Ø16	6.600
NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã Ø20	7.200
NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã Ø25	7.700
NPA68321	Hộp nối tròn 4 ngã Ø32	10.000

PCE

Connection to the future

INDUSTRIAL PLUGS AND SOCKETS

- Sử dụng tốt trong điều kiện nhiệt độ -25°C đến 80°C
- Sử dụng liên tục trong 1 giờ ở nhiệt độ 100°C
- Sản xuất bằng vật liệu POLYAMIDE 6: Chống cháy, chống mài mòn, chịu áp lực cao, chống phản ứng với nhiều loại hóa chất

Phích cắm cao su di động không kín nước
Plug (Splashproof)

F0511 - S
- Rubber plug (Splashproof), phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP44
- Loại không kín nước

81.000

F0512 - S
- Solid rubber plug (Splashproof), phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP44
- Loại không kín nước, chịu va đập

113.000

F1050 - 0B
- Socket outlet (Splashproof IP54)
- Ổ cắm âm có nắp 2P + 'E', 16A, 250V

68.000

F2510 - S
- Rubber connector (Splashproof) ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP20
- Loại không kín nước

82.000

F106 - 0
- Mouting box (Splashproof IP44)
- Đế nổi cho ổ cắm âm không kín nước

88.000

Ổ cắm chia 3 ngã loại không kín nước (IP44)
Mutiple-socket outlet (Splashproof IP44)

F9432006
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.350.000

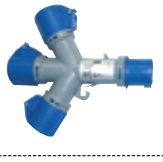

F9432000
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.170.000

Ổ cắm công nghiệp kèm công tắc loại kín nước (IP67)
Switched interlocked sockets (Watertight IP67)

F61132 - 6
16A - 3P - 230V - 6H - IP67 — 1.600.000

F61252 - 6
32A - 5P - 400V - 6H - IP67 — 1.790.000

F75252-6
32A -5P - 400V - 6H - IP67

3.070.000

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44)
Plug (Splashproof IP44)

F013 - 6ECO
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

70.000

F014 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	100.000
F015 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	112.000
F023 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	125.000
F024 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	132.000
F025 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	165.000

Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44)
Connector (Splashproof IP44)

F213 - 6ECO
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

100.000

F214 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	125.000
F215 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	155.000
F223 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	152.000
F224 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	175.000
F225 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	222.000

Ổ cắm gắn nổi loại không kín nước (IP44)
Wall socket (Splashproof IP44)

F113 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	135.000
F114 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	165.000
F115 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	175.000
F123 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	187.000
F124 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	197.000
F125 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	211.000

Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44)
Flanged socket straight (Splashproof IP44)

F313 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	140.000
F314 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	156.000
F315 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	165.000
F323 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	175.000
F324 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	180.000
F325 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	207.000

Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44)
Flanged socket sloping (Splashproof IP44)

F413 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	157.000
F414 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	185.000

F415 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	206.000
F423 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	245.000
F424 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	270.000
F425 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	295.000

Phích cắm di động loại kín nước (IP67)
Plug (Watertight IP67)

F0132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	265.000
F0142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	280.000
F0152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	300.000
F0232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	325.000
F0242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	345.000
F0252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	365.000

F033 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	740.000
F034 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	760.000
F035 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	785.000
F043 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.420.000
F044 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.670.000
F045 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.910.000

F0822 - 10V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP67	282.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)
Flanged socket sloping (Watertight IP67)

F4132 - 6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	235.000
F4142 - 6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	265.000
F4152 - 6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	275.000
F4232 - 6F78	32A - 3P - 230V - 9H - IP67	410.000
F4252 - 6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	450.000

F433 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	620.000
F433 - 6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	620.000
F434 - 6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	665.000
F435 - 6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	710.000
F443 - 6	125A - 3P - 400V - 6H - IP66/67	1.520.000
F444 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.670.000
F445 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.860.000

Ổ cắm nối loại kín nước (IP67)
Connector (Watertight IP67)

F2132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	280.000
F2142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	310.000
F2152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	390.000
F2232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	400.000
F2242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	410.000
F2252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	445.000

F233 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	890.000
F234 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	910.000
F235 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	930.000
F243 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.950.000
F244 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.060.000
F245 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.210.000
F3822- 10F9V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP66/67	353.000

Ổ cắm gắn nổi loại kín nước (IP67)
Wall socket (Watertight IP67)

F1132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	407.000
F1142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	470.000
F1152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	515.000
F1232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	550.000
F1242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	590.000
F1252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	625.000

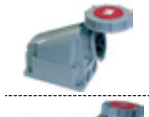

F133 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	980.000
F134 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.080.000
F135 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.180.000

F143 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.400.000
F144 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.550.000
F145 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.700.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)
Flanged socket straight (Watertight IP67)

F3132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	325.000
F3142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	375.000
F3152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	400.000
F3232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
F3242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	430.000
F3252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	450.000

F333 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	590.000
F334 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	665.000
F335 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	710.000
F343 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - I P66/67	1.570.000
F344 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.680.000
F345 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.780.000

Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước
Container - Plug and Socket
(Watertight IP67)

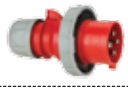

F0242 - 3V
Phích cắm - Plug 32A
4P - 440V - 3H - IP67
272.000

F1242 - 3V
Ổ cắm nổi - Wall socket 32A
4P - 440V - 3H - IP67
795.000

F2242 - 3V
Ổ cắm nổi - Connector 32A
4P - 440V - 3H - IP67
390.000

F3242 - 3V
Ổ cắm gắn âm, dạng thẳng
Flanged socket straight
32A - 4P - 440V - 3H - IP67
460.000

NDB313-232
Tủ điện phân phối IP44
1 MCB 2P 32A Panasonic kết hợp 3 ổ cắm 3P 16A PCE
Kích thước: 200x200x65mm
* Có ráp bộ theo yêu cầu khách hàng
875.000

nanoco Isolator Cầu dao kín nước - IP66

NIS220	2P - 20A - 250V - IP66	240.000
NIS235	2P - 35A - 250V - IP66	250.000
NIS245	2P - 45A - 250V - IP66	285.000
NIS263	2P - 63A - 250V - IP66	300.000
NIS320	3P - 20A - 440V - IP66	300.000
NIS335	3P - 35A - 440V - IP66	310.000
NIS345	3P - 45A - 440V - IP66	355.000
NIS363	3P - 63A - 440V - IP66	370.000
NIS420	4P - 20A - 440V - IP66	345.000
NIS435	4P - 35A - 440V - IP66	360.000
NIS445	4P - 45A - 440V - IP66	400.000
NIS463	4P - 63A - 440V - IP66	420.000

DÂY CÁP MẠNG

DÂY UTP

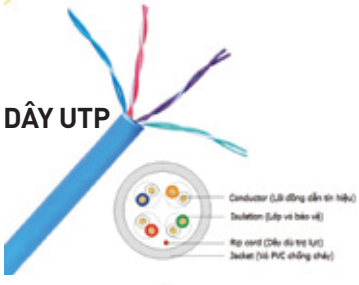

DÂY FTP

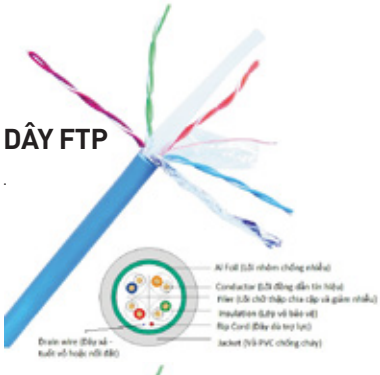

DÂY FTP CÓ DẦU

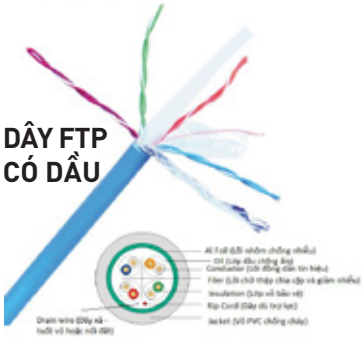

Model	Diễn giải	Conductor O.D.(mm)	Insulation O.D (mm)	Rip Cord	Jacket O.D.(mm)	Giá lẻ
NC5E-U10	Cat5e UTP 0.51mm 4 Pairs **10% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305m/ cuộn - **Màu trắng**	0.51 CCA	PE 0.91	Yes	PVC 5.1	720.000
NC5E-F10	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu **10% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305m/ cuộn - **Màu xanh/ trắng**	0.51 CCA	PE 1.00	Yes	PVC 5.1	920.000
NC5E-F100	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu **100% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305 m/ cuộn - **Màu xanh/ trắng**	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 5.1	2.380.000
NC5E-F100P	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, **100% Cu 24 AWG - Pass fluke test** Chiều dài: 305m/ cuộn - Màu xám **Đặt hàng khi có yêu cầu	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 5.1	3.250.000
NEW NC5E-F100 O	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, **có dầu, 100% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305m/ cuộn - **Màu xanh / trắng**	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 5.1	2.650.000
NC6-U10	CAT6 UTP 0.56 mm 4 Pairs **10% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/ cuộn - **Màu trắng**	0.56 CCA	PE 1.02	Yes	PVC 6	980.000
NC6-F10	CAT6 FTP 0.56 mm 4 Pairs chống nhiễu **10% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/ cuộn - **Màu xanh/ trắng**	0.56 CCA	PE 1.00	Yes	PVC 6.6	1.230.000
NC6-F100	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, **100% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/ cuộn - **Màu xanh/ trắng**	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 6.6	3.250.000
NC6-F100P	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, **100% Cu 23 AWG - Pass fluke test** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu xám** **Đặt hàng khi có yêu cầu	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 6.6	4.000.000
NEW NC6-F100 O	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, **có dầu - 100% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu xanh / trắng**	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 6.6	3.500.000

DÂY CÁP ĐỒNG TRỤC

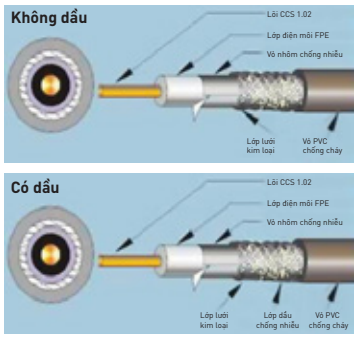

Model	Diễn giải	Conductor O.D.(mm)	Insulation O.D (mm)	Shielding	Jacket O.D. (mm)	Giá lẻ
NRG6-80	RG6 - lõi CCS 80 sợi Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/ đen**	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Aluminum foil 2. Braiding: 80x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	620.000
NRG6-96	RG6 - lõi CCS 96 sợi Chiều dài: 200m/ cuộn **Màu trắng/ đen**	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Aluminum foil 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	650.000
NEW NRG6-96 O	RG6 - lõi CCS 96 sợi - **có dầu** Chiều dài: 200m/ cuộn **Màu trắng/ đen**	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Aluminum foil 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	955.000

DÂY ĐIỆN THOẠI VÀ BÁO CHÁY

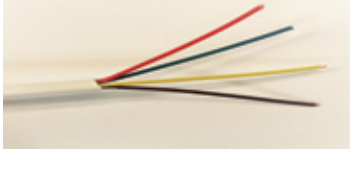

Model	Diễn giải	Conductor O.D.(mm)	Insulation O.D (mm)	Jacket O.D.(mm)	Gía lẻ
NTV405	Dây điện thoại nhiều sợi 4 core 0.5mm Chiều dài: 200m/ cuộn **Màu trắng/ đen**	0.5 CCA	PVC	PVC	380.000

Panasonic
Homes & Living

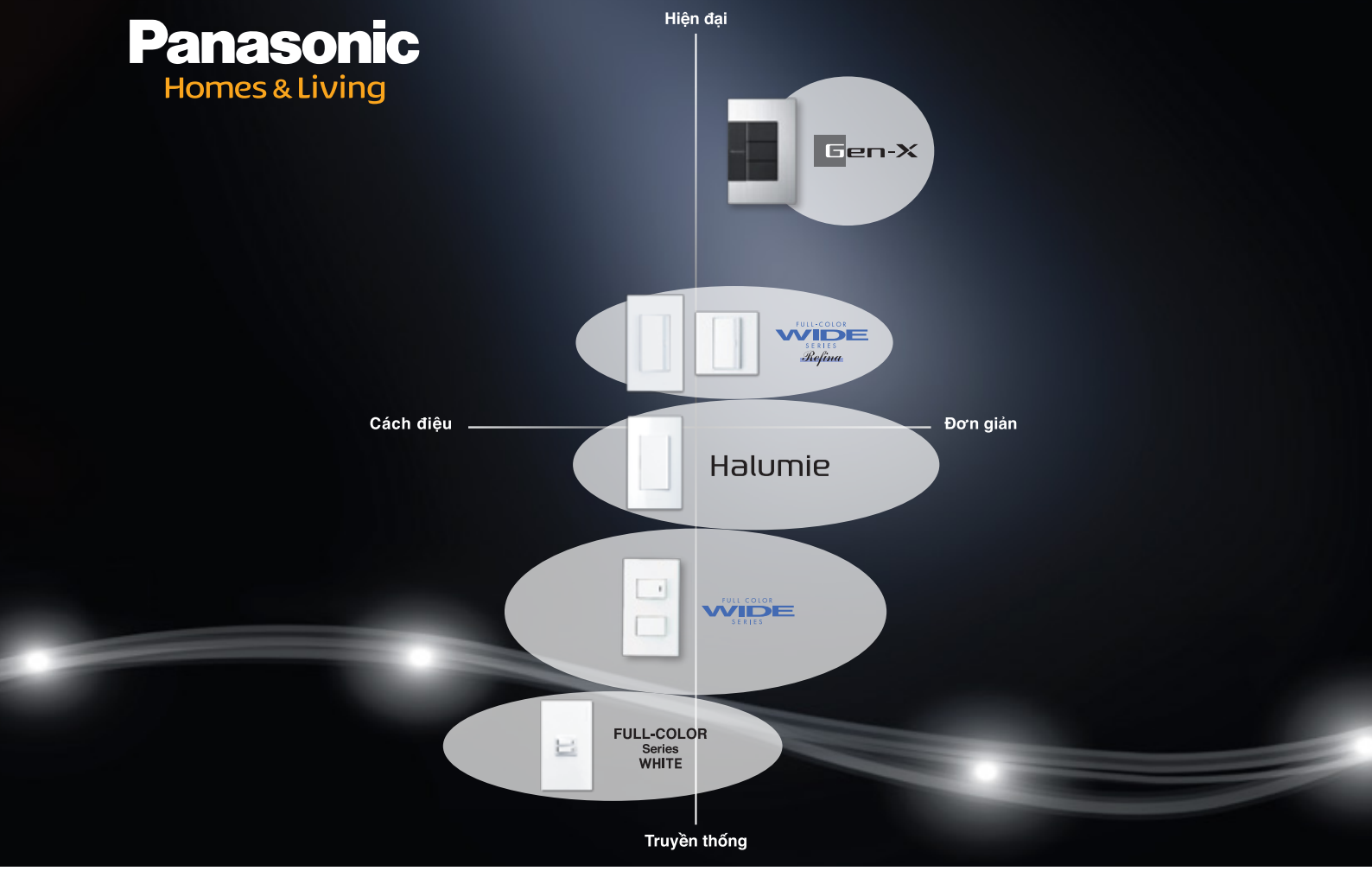

DANH SÁCH TRUNG TÂM BẢO HÀNH PANASONIC | HOTLINE: 18001593

Tên TTBH	Địa chỉ giao dịch	Tỉnh	Điện thoại
Thảo Phát	107 Nguyễn Huệ B, Mỹ Long-Long xuyên-An Giang	An Giang	(296) 3841 984
Đức Thành	613/31 Hàm Nghi, Bình Khánh 2, Bình Khánh		(296) 3847 172
Hồng Hải	Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Tiền An, thành phố Bắc Ninh	Bắc Ninh	(222) 3811 940
Lê Minh Đức	Số 37 Lê Thánh Tôn, Phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn	Bình Định	(256) 3814 157
Nguyên	Số 903, Cách Mạng Tháng Tám, P. Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một	Bình Dương	(274) 3818 262
Thanh Mai	146C Mậu Thân- Cần Thơ	Cần Thơ	(292) 3833 987
Minh Dương	48 Hàm Nghi-Đà Nẵng	Đà Nẵng	(236) 3871 222
Anh Tiến	Số 13 Bà Triệu, P. Tự An, TP. Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	(262) 3851 399
Dũng	Số 59 đường 30/4, P. Thanh Bình, TP. Biên Hoà	Đồng Nai	(251) 3825 692
Minh Hoàng	Số 16 Mạc Thái Tông, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy	Hà Nội	(24) 3846 5275
Thái Hà	Số 3 Cao Bá Quát, P. Điện Biên, Q. Ba Đình		(24)3942 9692
Thành Mai	Số 193 Quang Trung, P. Phan Bội Châu, Q. Hồng Bàng	Hải Phòng	(225) 3838 296
Thịnh Cường	314 Đại Lộ Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng		(225) 3601 693
Phong Phú	152 Vạn Kiếp, Phường 3, Quận Bình Thạnh	Hồ Chí Minh	(28) 2213 1008
Thiên Khôi	59 Trần Quốc Thảo, Phường 7, Quận 3, TP HCM		(28) 3930 9909
Võ Văn Minh	373 Nguyễn Thượng Hiền, Phường 11, Quận 10		(28) 3834 4113
Văn Trí	53A Quang Trung, P. Lộc Thọ, TP. Nha Trang	Khánh Hoà	(258) 3525 817
Mẫn	Số 69 Mạc Cửu, P. Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá	Kiên Giang	(297) 3872 399
Văn Mười	Số 16-C1 Tecoo Quang Trung, thành phố Vinh	Nghệ An	(238) 3544 888
Khánh Hiền	409 Hải Thượng Lãn Ông-Ninh Bình	Ninh Bình	(229) 387 1126
Quang Tuấn	Số 8 Lê Thánh Tôn, Phường 1, Tuy Hoà	Phú Yên	(257) 3826 629
Mỹ Hương	54 Tiểu La, Phường An Mỹ, Thành phố Tam Kỳ	Quảng Nam	(235) 3851 732
Phi	Số 183, Quang Trung, Phường Lê Hồng Phong, TP. Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	(255) 3824 681
Hoá	Số nhà 20, P. Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bồ Xuyên, TP. Thái Bình	Thái Bình	(227) 3834 916
Ngọc Thơm	SN 16, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Tổ 5, P. Phan Đình Phùng	Thái Nguyên	(208) 3854 070
Ngọc Quang	Số 40, đường Hạc Thành, Phường Tân Sơn, Thành Phố Thanh Hóa	Thanh Hoá	(237) 3853 782
Thiện Tài	522 đường Đồng Khởi, khóm 1, phường 9, thành phố Trà Vinh	Trà Vinh	(294) 3860 753
Đoàn Việt	Số 26, Tổ 29, Phường Tân Quang	Tuyên Quang	(207) 3815 800